

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 0305654014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/12/2017).

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số 22.X/QĐ-SGDHCM

do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2019)

TỔ CHỨC TƯ VẤN



BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn
Số 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3997 6930
Fax: (84-28) 3997 6840

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3928 8080
Fax: (84-24) 3928 9888

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 6888
Fax: (84-28) 3914 7999

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông **Phạm Quang Hải**. Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp
Số 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3997 6930
Fax : (84-28) 3997 6840

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	3
1. Rủi ro kinh tế.....	3
2. Rủi ro luật pháp.....	5
3. Rủi ro môi trường kinh doanh.....	6
4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán.....	6
5. Rủi ro khi mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất và có sân bay Long Thành.....	6
6. Rủi ro đặc thù.....	7
7. Rủi ro cạnh tranh.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức niêm yết.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.....	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	13
4. Danh sách cổ đông.....	15
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của SCSC, những công ty mà SCSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	17
6. Hoạt động kinh doanh của SCSC.....	17
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016 và 2017.....	35
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	37
9. Chính sách đối với người lao động.....	39
10. Chính sách cổ tức.....	41
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	41
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	46
13. Tài sản.....	64
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 và 2019.....	65
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	68
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	68
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết.....	68
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	69
1. Loại cổ phiếu.....	69
2. Mệnh giá.....	69

3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	69
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:.....	69
5.	Phương pháp tính giá	70
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	73
7.	Các loại thuế có liên quan.....	74
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	75
1.	Tổ chức kiểm toán.....	75
2.	Tổ chức tư vấn.....	75
VII.	PHỤ LỤC	75

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế.

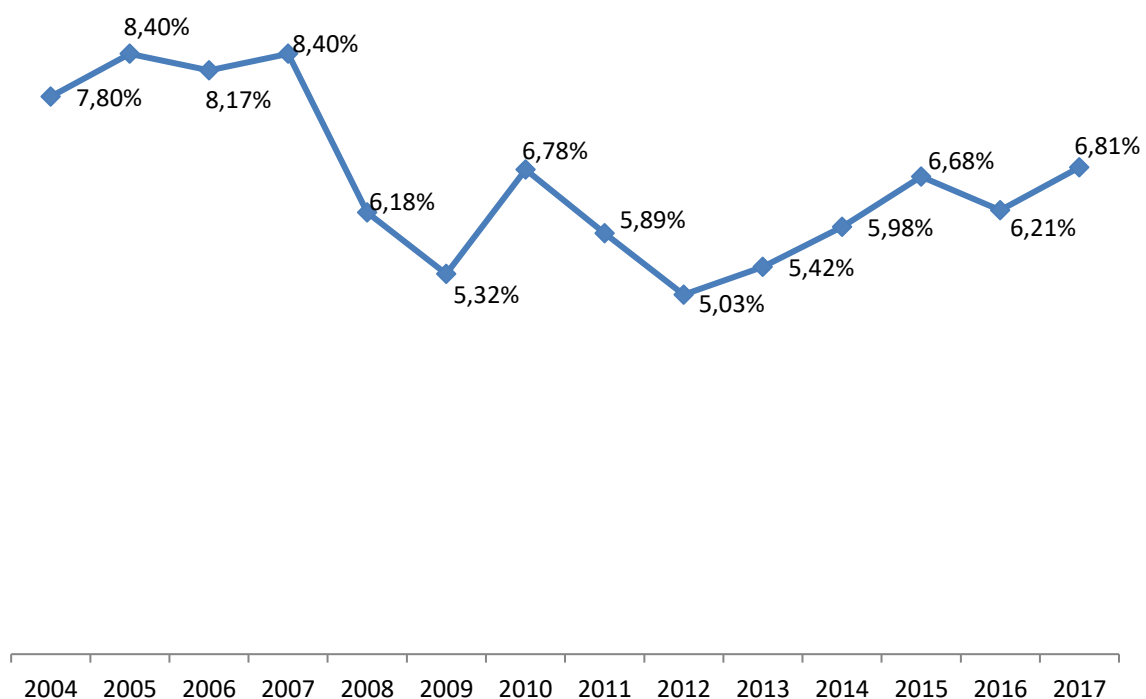
1.1. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế

Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP (tổng sản phẩm quốc nội) của Việt Nam trong 14 năm từ 2004 - 2017 dao động trong khoảng từ 5,03% - 8,40%/năm.

Mặc dù trong thời gian gần đây mức độ tăng GDP có phần chững lại do ảnh hưởng từ những khó khăn chung của kinh tế toàn cầu, nhưng mức tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn duy trì ở mức trên 5%, cao hơn nhiều so với một số nước trong khu vực.

Theo các chuyên gia phân tích kinh tế, trong các năm tới, Việt Nam vẫn là điểm sáng trong khu vực Đông Nam Á với tốc độ tăng trưởng GDP tiếp tục duy trì ở mức 6,0% - 7,0%/năm nhờ đẩy mạnh tiêu dùng cá nhân, đầu tư tư nhân và lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mạnh mẽ. Thông qua các chính sách kinh tế tài chính vĩ mô đúng đắn của Chính phủ, nền kinh tế Việt Nam đã tìm ra những định hướng phát triển bền vững, tạo tiền đề cho việc đảm bảo kế hoạch tăng trưởng ở mức cao trong tương lai.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM QUA CÁC NĂM



Nguồn: Tổng cục thống kê

Sự phát triển của nền kinh tế có tác động lớn đến thị trường vận tải hàng hóa hàng không và thị trường bất động sản, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến dịch vụ khai thác hàng hóa hàng không – mảng hoạt động chiếm trên 90% tổng doanh thu của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn và hoạt động cho thuê văn phòng (chiếm hơn 5% tổng doanh thu) của Công ty.

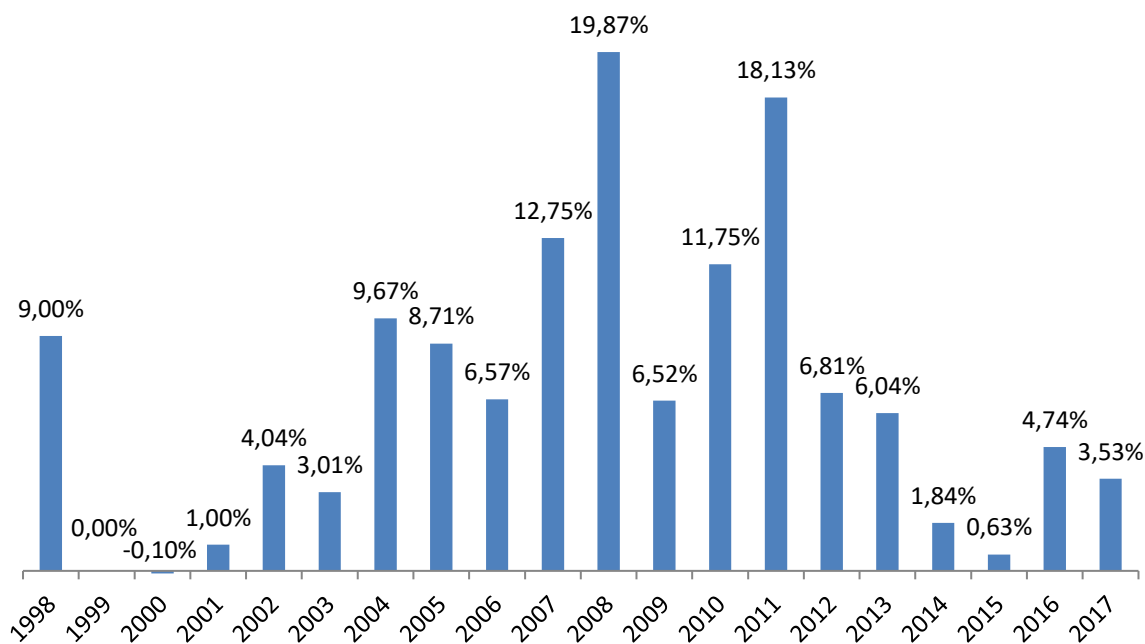
1.2. Lạm phát

Trong nhiều năm liền, từ năm 1996 đến năm 2006, Việt Nam vẫn giữ mức lạm phát ổn định ở một con số. Tuy nhiên, từ năm 2007 đến 2011 dưới ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã tăng mạnh lên mức 10,5%/năm, đặc biệt năm 2008 và 2011 tỷ lệ lạm phát tăng gần 20%.

Tuy nhiên, từ năm 2012 trở đi, tỷ lệ lạm phát dần được Chính phủ kiểm soát ở mức ổn định thấp, mặc dù lạm phát trong giai đoạn này ít nhiều chịu sự ảnh hưởng của việc giá của hàng hóa cơ bản trong chiều hướng giảm, nhưng việc Chính phủ đặt ra mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô với nhiều chính sách điều tiết tích cực và hiệu quả đã góp phần làm cho lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp.

Mặc dù theo dự báo thì lạm phát có xu hướng tăng trở lại trong thời gian tới, nhưng tỷ lệ lạm phát kỳ vọng sẽ không vượt quá mức một con số, do đó rủi ro từ lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không còn cao như trong các năm 2007-2008 và 2010-2011.

LẠM PHÁT TỪ NĂM 1998 ĐẾN 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào, đặc biệt là giá nylon, xăng dầu và giá nhân công. Bên cạnh đó, nếu lạm phát cao cũng ảnh hưởng xấu đến khối doanh nghiệp sản xuất hàng xuất nhập khẩu – những khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì vậy, bên cạnh việc Chính phủ đang có những giải pháp tích cực để kiềm chế lạm phát, Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát, quản lý biến động giá cả đầu vào để đưa ra những biện pháp hợp lý.

1.3. Tỷ giá

Rủi ro về biến động tỷ giá luôn là thách thức đối với các công ty có hoạt động kinh doanh liên quan đến lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hoá như Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hoá Sài Gòn. Với việc có các hoạt động kinh doanh với các đối tác nước ngoài, doanh thu từ ngoại tệ luôn chiếm một tỉ trọng nhất định trên tổng doanh thu của Công ty. Vì thế tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến giá thành cung cấp dịch vụ hàng hoá của Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh. Tuy nhiên, nhờ các chính sách ổn định tiền tệ của Chính phủ, trong những năm gần đây tỷ giá ngoại tệ của đồng Việt Nam luôn được duy trì ở mức dao động thấp, vì thế rủi ro về tỷ giá Công ty phải đối mặt là tương đối thấp.

2. Rủi ro luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có thể có những tác động nhất định đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật của Luật Hàng không Dân dụng, luật Giao thông đường bộ, các quy định về thủ tục hải quan, Luật Đất đai, Luật kinh doanh bất động sản cũng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty do đặc thù của ngành là cung cấp dịch vụ khai thác hàng hóa hàng không và hoạt động cho thuê văn phòng. Bất kỳ thay đổi nào trong các quy định và luật định trên cũng có thể dẫn đến những kết quả bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, với việc cung cấp dịch vụ khai thác hàng hóa hàng không, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty chịu tác động không nhỏ từ các chính sách của Chính phủ đối với nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài và đối với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong nước. Mặc dù đã có những chính sách ưu đãi nhất định đối với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, các thủ tục hành chính rườm rà cũng như môi trường pháp lý, kinh doanh chưa chặt chẽ vẫn đang làm giảm khả năng cạnh tranh của Việt Nam trong việc thu hút dòng vốn nước ngoài. Thuế xuất nhập khẩu đồng thời cũng tồn tại nhiều hạn chế, tạo ra rào cản cho hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp. Biểu thuế dàn trải quá rộng, khiến cho cơ cấu thuế trở nên phức tạp, chồng chéo, không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Trước sự đổi mới nền kinh tế khi hòa nhập với Quốc tế, Chính phủ đã và đang hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển nền kinh tế bền vững, cạnh tranh

lành mạnh nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

3. Rủi ro môi trường kinh doanh

Năm 2017 thị trường vận tải hàng không Việt Nam cạnh tranh khá sôi động. Các Hãng hàng không trong nước tiếp tục phát triển mạng đường bay, tăng thêm 52 đường bay nội địa với 18 sân bay địa phương. Đối với thị trường quốc tế, hiện có 63 Hãng hàng không nước ngoài từ 25 quốc gia và vùng lãnh thổ khai thác 105 đường bay quốc tế thường lệ đi/đến Việt Nam, tăng mạnh so với năm 2016.

Với hoạt động kinh doanh trọng tâm của Công ty là cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hoá vận chuyển qua cảng hàng không Tân Sơn Nhất, tình hình kinh doanh của Công ty phụ thuộc nhiều vào tình hình phát triển của thị trường vận tải hàng không tại Việt Nam.

4. Rủi ro biến động thị trường chứng khoán

Công ty thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin và đặc biệt là quan hệ cung cầu trên thị trường. Quan hệ này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố vĩ mô của nền kinh tế trong nước và thế giới; các yếu tố vi mô liên quan đến doanh nghiệp và tâm lý của nhà đầu tư... Trong trường hợp giá cổ phiếu của các công ty niêm yết nói chung và cổ phiếu của Công ty nói riêng giảm giá hoặc khối lượng giao dịch ít sẽ ảnh hưởng tới khả năng huy động vốn và hình ảnh của Công ty.

5. Rủi ro khi mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất và có sân bay Long Thành

Nhà ga hàng hóa thuộc dự án mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất sau năm 2025: Ngày 28/3/2018, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã quyết định mở rộng sân bay Tân Sơn Nhất theo phương án của Công ty Tư vấn ADPI (Pháp). Phương án này đề xuất xây dựng thêm một nhà ga hành khách của sân bay Tân Sơn Nhất với diện tích sàn 200.000 m², để có thể phục vụ 20 triệu hành khách mỗi năm ở phía nam, tức phía nhà ga hiện hữu, còn diện tích đất phía bắc, trong đó có sân golf và 16 ha đất do Bộ Quốc phòng quản lý sẽ được sử dụng để xây dựng công trình phụ trợ như nhà ga hàng hóa, sửa chữa máy bay, logistic và chế biến suất ăn từ năm 2025 trở đi.

Nhà ga hàng hóa thuộc dự án sân bay Long Thành: Ngày 25/06/2015, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Theo đó sân bay Long Thành sẽ được xây dựng với công suất thiết kế 100 triệu hành khách và 5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Ngày 24/11/2017, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Trong tháng 4 vừa qua, Phó thủ tướng Trịnh Đình Dũng đã yêu cầu các Bộ, tỉnh Đồng Nai đảm bảo hoàn thành dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành trước năm 2020.

Với 2 dự án trên, sau năm 2025 sẽ có thêm ít nhất một nhà ga hàng hóa trong khu vực miền Đông Nam Bộ. Việc này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của SCSC do phải chia sẻ sản lượng hàng hóa và khách hàng. Sự ảnh hưởng này không lớn do tỷ lệ tăng trưởng hàng hóa thông

qua sân bay Tân Sơn Nhất trên 10%/năm cho đến năm 2025. Sản lượng hàng hóa quốc tế thông qua sân bay Tân Sơn Nhất vào năm 2025 dự kiến sẽ là 1,2 triệu tấn, trong khi công suất tối đa hiện nay của TCS và SCS khoảng 800.000 tấn/năm. Vì vậy, việc ra đời nhà ga hàng hóa mới là cần thiết và sẽ đáp ứng sản lượng hàng hóa tăng thêm sau năm 2025.

6. Rủi ro đặc thù

Các rủi ro khác như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho tài sản và các công trình xây dựng của Công ty.

Ngoài ra, hiện tại toàn bộ các hoạt động của Công ty đang được thực hiện trên diện tích đất là 14,3 ha. Đây là khu đất tại Sân bay Tân Sơn Nhất của Công ty TNHH MTV Sửa chữa máy bay 41 thuộc Bộ Quốc phòng dùng góp vốn thành lập Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn. Do đó, trong trường hợp có yêu cầu khẩn cấp từ phía Bộ Quốc phòng cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng (ví dụ như chiến tranh...), mọi hoạt động của Công ty phải tạm dừng và bàn giao nguyên trạng cơ sở vật chất cho Bộ Quốc phòng phục vụ nhiệm vụ quân sự.

7. Rủi ro cạnh tranh

Theo nghị định số 140/2007/NĐ-CP của Chính phủ, đến năm 2014 đã chấm dứt hạn chế trong tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài vào các doanh nghiệp Logistics kinh doanh các dịch vụ kho bãi, dịch vụ đại lý vận tải và các dịch vụ hỗ trợ khác. Như vậy, các doanh nghiệp Logistics có thể thành lập công ty có 100% vốn nước ngoài. Điều này sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp trong nước, trong đó có Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn, do các công ty nước ngoài luôn có lợi thế rất lớn về tiềm lực tài chính cũng như khoa học kỹ thuật, năng lực và kinh nghiệm quản trị.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Bà Bùi Thị Thu Hương Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Khánh Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông Lê Xuân Lộc Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông Bùi Á Đông Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông Võ Hữu Tuấn Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tại TP. Hồ Chí Minh
(Giấy ủy quyền số 02/2018/UQ-BVSC do Tổng Giám đốc ký ngày 02/01/2018)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết giữa Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt với Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty/SCSC: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn
- SCS: Mã cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn
- GMD: Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (Công ty Cổ phần Gemadept)
- ACV: Cụm Cảng hàng không miền Nam (nay là Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam)
- A41: Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (nay là Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41)
- UBND: Ủy ban Nhân dân
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- CTCP: Công ty cổ phần
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- Giấy CNĐKKD: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- TGĐ: Tổng giám đốc
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Quân chủng PKKQ: Quân chủng Phòng không không quân

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: SAI GON CARGO SERVICE CORPORATION
- Biểu tượng của Công ty: 
- Vốn điều lệ: 571.757.000.000 đồng (*Năm trăm bảy mươi một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng chẵn*)
- Trụ sở chính: 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 3997 6930
- Fax: (84-28) 3997 6840
- Website: www.scsc.vn
- Email: info@scsc.vn
- Giấy CNĐKDN: số 0305654014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/04/2008, thay đổi lần thứ 12 ngày 15/12/2017
- Giấy chứng nhận đầu tư số 41121000112 do UBND TP.HCM cấp ngày 20/04/2009
- Thời hạn hoạt động của dự án là 49 năm kể từ ngày 20/04/2009 là ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - ❖ Dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa;
 - ❖ Kinh doanh bất động sản;
 - ❖ Hoạt động dịch vụ mặt đất cảng hàng không;
 - ❖ Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp;
 - ❖ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
 - ❖ Lưu giữ hàng hóa;
 - ❖ Đại lý kinh doanh xăng dầu;
 - ❖ Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
 - ❖ Dạy nghề.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn (SCSC) được thành lập ngày 08/4/2008 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103009937 ngày 08/04/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng, được góp bởi sáu cổ đông sáng lập:

- Cụm Cảng hàng không miền Nam (nay là Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam);
- Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (nay là Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41);

- Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (Công ty Cổ phần Gemadept);
- Công ty TNHH Đầu Tư Nam Phú Quốc Tế (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Phú Quốc Tế);
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Á Châu;
- Công ty Cổ phần Sóng Việt.

Sự ra đời của SCSC nhằm đầu tư xây dựng và phát triển Nhà ga hàng hóa hàng không theo tiêu chuẩn quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất.

Dự án Ga hàng hóa – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất của SCSC được triển khai xây dựng từ tháng 6/2009 và hoàn thành vào tháng 8/2010. Từ tháng 10/2010 đến hết năm 2011, công trình được chạy thử, nghiệm thu và tiến hành thủ tục quyết toán.

Được sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài gồm Công ty tư vấn Lufthansa (LCG – Đức), Công ty Tư vấn Sân bay Nhật Bản (JAC), nhà ga hàng hóa SCSC có tổng mức đầu tư lên đến 1.065 tỷ đồng (tương ứng khoảng 51 triệu USD), được bố trí tại phía Tây Nam ga hành khách – Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, có diện tích rộng 143.000 m², tiếp giáp bên đầu số 1, 2, 3 của sân đậu máy bay Tân Sơn Nhất.

Dự án Nhà ga hàng hóa bao gồm ba khu vực:

- Khu vực sân đậu: 52.421 m², có sức chứa 3 máy bay B747F hoặc 5 máy bay A321 cùng lúc.
- Khu vực Nhà ga hàng hóa: 26.670 m². Nhà ga hàng hóa có công suất thiết kế 200.000 tấn hàng hóa (giai đoạn 1), và 350.000 tấn hàng hóa (giai đoạn 2).
- Khu vực nhà kho, bãi đậu xe, đường giao thông và tòa nhà văn phòng, công trình phụ trợ: 64.000 m².

Nhà ga hàng hóa SCSC được đầu tư trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng các yêu cầu của ngành hàng không và khách hàng là các hãng hàng không.

SCSC là doanh nghiệp được UBND Tp. Hồ Chí Minh, Cục hàng không Việt Nam và Hải quan Việt Nam cấp phép xây dựng nhà ga hàng hóa tại Sân bay Tân Sơn Nhất. Nhà ga hàng hóa của SCSC cũng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của IATA (Hiệp hội vận chuyển hàng không quốc tế).

Tháng 04/2011, SCSC trở thành thành viên của Hội đồng phục vụ mặt đất trực thuộc Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IGHC – IATA).

Tiếp theo đó, SCSC đã đạt được chứng nhận chất lượng ISAGO, chứng nhận TAPA A của Hiệp hội bảo vệ tài sản vận chuyển và chứng nhận RA3.

Tiếp nối những thành công gặt hái được trong những năm gần đây và nghiêm túc tuân thủ các quy định hiện hành, SCSC đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống UpCom của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 07/2017, mã chứng khoán: SCS.

Hiện tại SCSC hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0305654014 ngày 08/04/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 15/12/2017, với vốn điều lệ là 571.757.000.000 đồng.

1.3. Quá trình tăng vốn của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn

Stt	Thời điểm tăng vốn	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn sau khi tăng (1.000 đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
1	Tại thời điểm thành lập công ty cổ phần	30.000.000 (*)	300.000.000		
2	30/09/2010	8.000.000	380.000.000	Phát hành cho: + cổ đông hiện hữu 7.500.000 cổ phiếu, tỷ lệ 4:1 + cán bộ chủ chốt 500.000 cổ phiếu	ĐHĐCĐ (**)
3	21/02/2013	10.000.000	480.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông lớn và nhà đầu tư chiến lược	ĐHĐCĐ, UBCKNN
4	30/06/2016	4.897.200	528.972.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để hoán đổi nợ	ĐHĐCĐ, UBCKNN
5	19/08/2016	480.000	533.772.000	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ, UBCKNN
6	12/07/2017	3.264.800	566.420.000	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược để hoán đổi nợ	ĐHĐCĐ, UBCKNN
7	10/11/2017	533.700	571.757.000	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	ĐHĐCĐ, UBCKNN
	Vốn thực góp hiện tại		571.757.000		

(*) Bao gồm 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức và 22.810.00 cổ phiếu phổ thông.

(**) Thời điểm này SCSC chưa là công ty đại chúng. SCSC trở thành công ty đại chúng ngày 24/02/2012.

Nguồn: SCSC

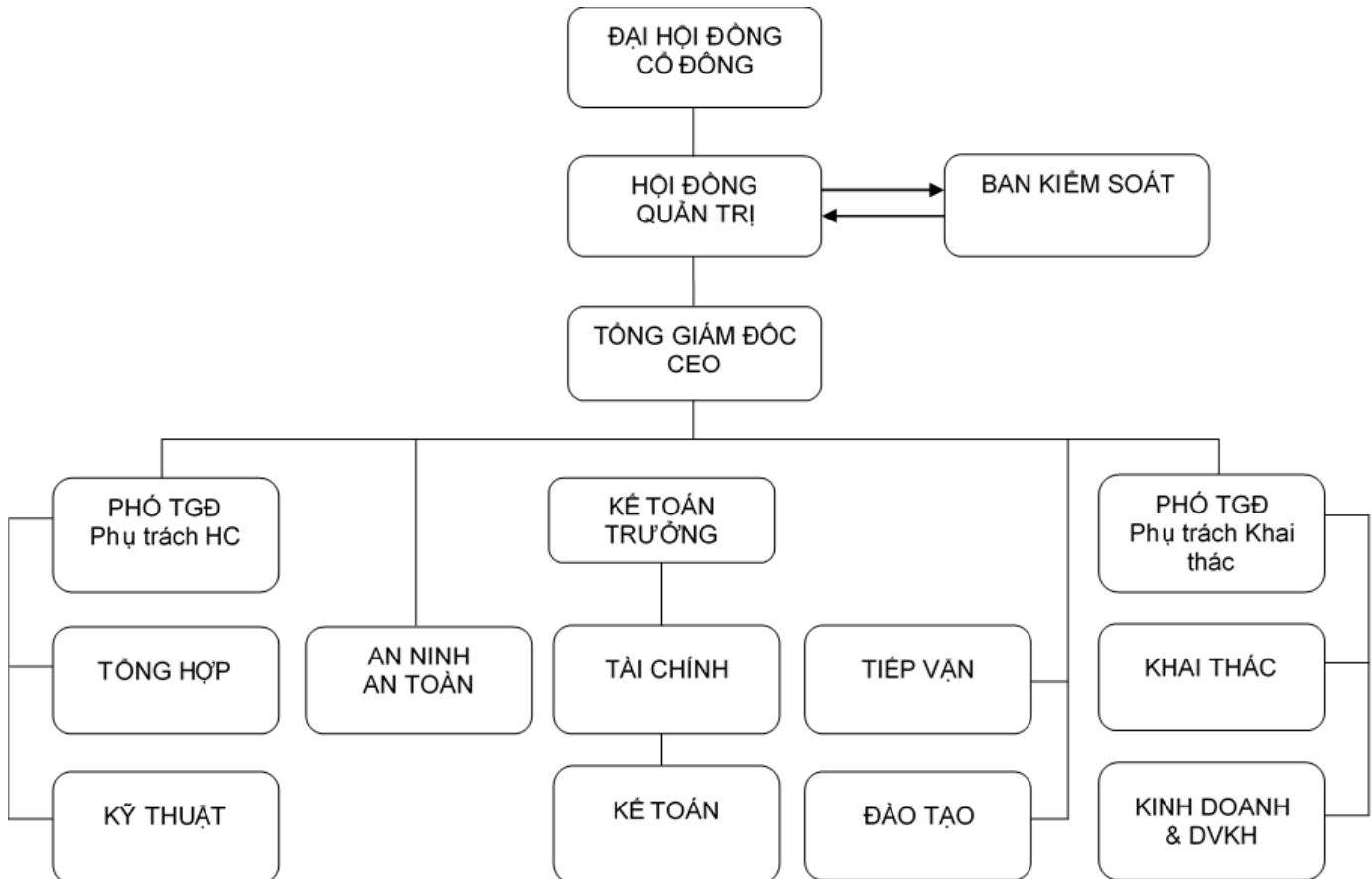
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn

SCSC được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp 2014, tuân thủ các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

SCSC được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cấu trúc tổ chức của Công ty được xây dựng theo cấu trúc chức năng nhằm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty. Cơ cấu bộ máy quản lý được thể hiện ở sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN



Nguồn: SCSC

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị (HĐQT) hiện có 08 người, bao gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 05 thành viên. HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát hiện có 03 người, bao gồm: 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng giám đốc gồm Tổng Giám đốc, 2 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban chức năng:

Phòng Khai thác:

Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện các hoạt động khai thác hàng hóa, bưu kiện đi, đến quốc tế và chuyển tiếp theo hợp đồng phục vụ của Công ty với các hãng hàng không và đại lý hàng hóa.

Phòng Tiếp vận:

Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện các hoạt động khai thác hàng hóa nội địa đi và đến và các dịch vụ kho, dịch vụ hỗ trợ Hải quan của Công ty.

Phòng Đào tạo và quy chuẩn:

Tổ chức quản lý, điều hành và thực hiện các công tác đào tạo nguồn lực đáp ứng các yêu cầu của Công ty, các hãng hàng không khách hàng và cơ quan chức năng.

Kiểm soát, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và bảo mật thông tin trong toàn Công ty.

Phòng Tổng hợp:

Cung cấp các nguồn lực và dịch vụ bao gồm nhân lực, các trang thiết bị, phương tiện, dịch vụ hỗ trợ để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Quản trị, duy trì và phát triển hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động khai thác và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty.

Phòng Kinh doanh và Dịch vụ khách hàng:

- Đề xuất xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh doanh, marketing hàng năm và dài hạn.
- Thực hiện các chính sách quảng bá thông tin các dịch vụ công ty cung cấp đến khách hàng.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng và các dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Phòng Kỹ thuật:

Tổ chức, quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống máy móc, trang thiết bị phương tiện phục vụ cho hoạt động khai thác hàng hóa và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty.

Phòng An ninh an toàn:

Kiểm soát, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý an ninh, an toàn, môi trường tuân thủ các quy định hiện hành của các ban ngành chức năng và các yêu cầu của hãng hàng không khách hàng; đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng mà công ty đang áp dụng.

Phòng Tài chính kế toán:

- Thực hiện chức năng quản lý về tài chính kế toán, hạch toán kế toán, thông tin kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm soát tài chính kế toán tại Công ty.
- Quản lý, sử dụng và kiểm soát vốn tài chính do Công ty huy động.

4. Danh sách cổ đông
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 11/06/2018

	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKDN	Người đại diện sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP GEMADEPT	Số 2-4-6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	0301116791	Bà Bùi Thị Thu Hương, Ông Nguyễn Quốc Khánh	18.441.640	32,25%
2	Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	Sân bay Quốc Tế TSN, Q.Tân Bình, TP.HCM	0311638525	Ông Phan Lê Hoan	7.500.000	13,12%
3	Cty TNHH MTV Sửa Chữa máy bay 41	Số 6 Thăng Long, P.4, Q.Tân Bình, TP.HCM	0301428800	Ông Phạm Bích Vượng	7.202.500 (*)	12,60%
	Tổng cộng				33.144.140	57,97%

(*) Bao gồm 7.190.000 cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết (không niêm yết).

Nguồn: Danh sách cổ đông của SCSC ngày 11/06/2018

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Cơ cấu sở hữu tại thời điểm thành lập Công ty ngày 08/04/2008:

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cụm Cảng hàng không miền Nam (nay là Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam)	7.500.000	75.000.000.000	25,0%
2	Công ty Sửa chữa Máy bay A41 (nay là Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41) (*)	7.200.000	72.000.000.000	24,0%
3	Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	6.900.000	69.000.000.000	23,0%

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	(Công ty Cổ phần Gemadept)			
4	Công ty TNHH Đầu Tư Nam Phú Quốc Tế (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư Nam Phú Quốc Tế)	3.300.000	33.000.000.000	11,0%
5	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Á Châu	2.700.000	27.000.000.000	9,0%
6	Công ty Cổ phần Sóng Việt	2.400.000	24.000.000.000	8,0%
	Tổng cộng	30.000.000	300.000.000.000	100,0%

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305654014, đăng ký lần đầu ngày 08/04/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

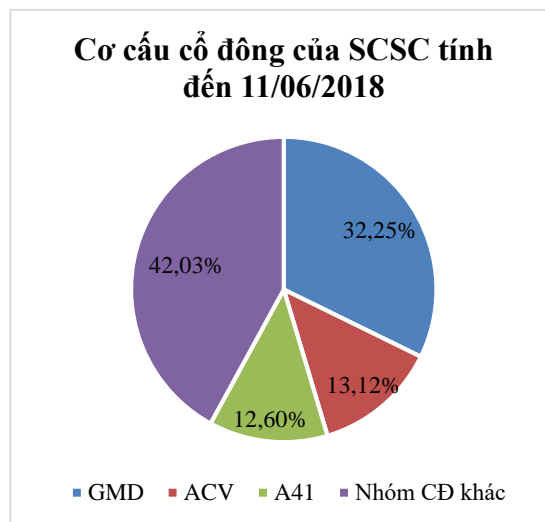
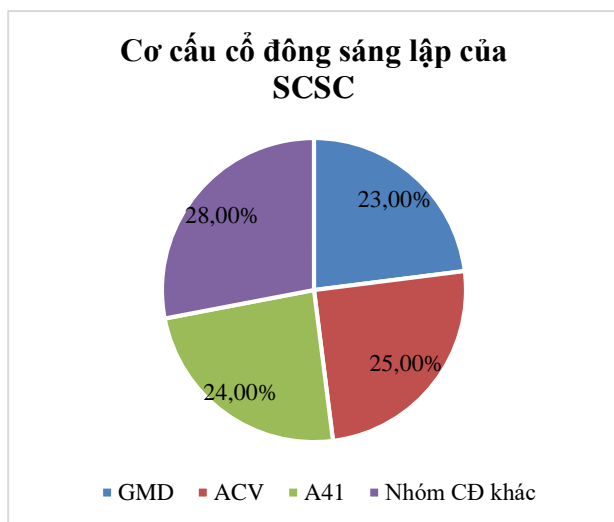
(*) Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 góp vốn dưới hai hình thức:

- Bằng quyền khai thác khu đất 14,3 ha để sở hữu 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức trong suốt dự án và không chuyển đổi.
- Bằng tiền để sở hữu 12.500 cổ phiếu phổ thông với quyền lợi và nghĩa vụ như các cổ đông khác.

Theo Hợp đồng Hợp tác Khai thác Dịch vụ Tổng hợp Hàng không số 01/2015/PKKQ-SCSC ngày 04/02/2015 với Quân chủng Phòng không - Không quân và Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, Công ty phải trả một khoản lợi nhuận theo từng giai đoạn cụ thể trong Hợp đồng hợp tác cho Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41 (thuộc Quân chủng Phòng không Không quân) hàng năm trong suốt thời gian còn lại của dự án (từ năm 2014 đến năm 2057) mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của SCSC

Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2008 đến nay đã được 10 năm nên quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.



4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 11/06/2018

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Trong nước	1.207	47.588.954	83,23%
	Tổ chức	15	38.987.048	68,19%
	Cá nhân	1.192	8.601.906	15,04%
2	Nước ngoài	66	9.586.746	16,77%
	Tổ chức	34	9.494.664	16,61%
	Cá nhân	32	92.082	0,16%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	1.273	57.175.700	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của SCSC ngày 11/06/2018

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của SCSC, những công ty mà SCSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

5.1. Danh sách các Công ty mà SCSC đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có.

5.2. Danh sách những tổ chức đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với SCSC

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh của SCSC

6.1. Các loại sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty

Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn đang cung cấp 3 dịch vụ chính sau đây:

- Khai thác nhà ga hàng hóa;
- Cho thuê sân đậu máy bay;
- Cho thuê văn phòng và bãi đỗ xe.

Hỗ trợ cho hoạt động khai thác hàng hóa, công ty cung cấp các dịch vụ gia tăng như:

- Dịch vụ khai thuê hải quan
- Nhận và chuyển hàng miễn thuế và thức ăn bán trên máy bay cho khách hàng Vietjet

a. Khai thác nhà ga hàng hóa:

SCSC được Cục hàng không Việt Nam cho phép cung cấp dịch vụ nhà ga hàng hóa hàng không quốc tế và cung cấp dịch vụ nhà ga hàng hóa nội địa tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.

Nhà ga hàng hóa của SCSC có công suất thiết kế 200.000 tấn hàng hóa (giai đoạn 1) sau đó nâng lên 350.000 tấn hàng hóa (giai đoạn 2) để phục vụ cho hàng hóa quốc tế với sản lượng hàng hóa ra vào bình quân là 460 tấn/ngày.

Sản lượng hàng hóa quốc tế tại Sân bay Tân Sơn Nhất năm 2018, 2019 dự kiến đạt 163.200 và 186.000 tấn tương đương 81,6% và 93% công suất thiết kế giai đoạn 1.

Để nâng công suất từ 200.000 tấn lên 350.000 tấn/năm công ty sẽ triển khai đầu tư giai đoạn 2 trong năm 2019. Các hạng mục đầu tư bao gồm làm mới và nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý hàng hóa, phần cứng IT, nâng tầng kệ chứa hàng, kệ chứa mâm, thùng rỗng; đầu tư mua mới thiết bị bốc xếp, nâng hạ và vận chuyển hàng (xe nâng các loại, ETV). Dự kiến công ty sẽ sử dụng 100% công suất thiết kế giai đoạn 1 và 2 vào năm 2020 và năm 2026.

Hiện nay trong tất cả các dịch vụ đang được SCSC cung cấp, SCSC đẩy mạnh vào khai thác dịch vụ nhà ga hàng hóa quốc tế và quốc nội. Dịch vụ khai thác hàng hóa nhà ga chiếm hơn 90% tổng doanh thu của SCSC. Các dịch vụ khác cũng được chú trọng phát triển.

Nhà ga hàng hóa của SCSC có diện tích 26.670 m² (127 x 210 m), gồm 2 khu chính là khu vực hàng xuất và khu vực hàng nhập nhằm cung cấp các dịch vụ liên quan đến nhập và xuất hàng hóa:

- Dịch vụ hàng xuất khẩu;
- Dịch vụ hàng nhập khẩu;
- Dịch vụ kho lạnh;
- Dịch vụ hàng động vật sống;
- Dịch vụ hàng nguy hiểm;
- Dịch vụ hàng giá trị cao;
- Dịch vụ lưu trữ và quản lý mâm thùng.

Hình ảnh nhà ga hàng hóa SCSC

Khu vực hàng nhập



Khu vực hàng xuất



Khu vực cầu nối xe tải



b. Cho thuê sân đậu máy bay:

Hình ảnh Sân đậu máy bay của SCSC



Khu vực sân đậu máy bay có diện tích xây dựng là 52.421 m², kết cấu bê tông cốt thép dày 32cm, có sức chứa cùng lúc đến 3 máy bay loại Boeing B747-400F hoặc 5 chiếc máy bay Airbus A321.

Năm 2010, Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn đã ký kết hợp đồng cho Tổng công ty Cảng hàng không Miền Nam (nay là Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - ACV) thuê sân đậu máy bay trong thời hạn 10 năm, từ ngày 10/02/2010 đến ngày 09/02/2020. Tổng giá cho thuê theo thỏa thuận là 90,42 tỷ đồng. Theo hợp đồng, ACV đã thanh toán trước toàn bộ số tiền thuê sân đậu máy bay của SCSC trong thời gian 10 năm. Năm 2020, các bên sẽ đàm phán lại hợp đồng với giá thuê mới cao hơn giá hiện nay.

c. Cho thuê văn phòng và bãi đậu xe:

Các khu vực còn lại bao gồm tòa nhà văn phòng cho thuê, bãi xe, đường giao thông nội bộ và phần đất trống dự kiến mở rộng kho, nhà ga có tổng diện tích 64.000 m², trong đó phần đất trống là 13.000 m².

Đây là lợi thế để SCSC vừa sử dụng để làm khối văn phòng, quản lý hoạt động khai thác nhà ga hàng hóa, phần còn lại để cho thuê văn phòng và cho thuê bãi đậu xe.

Tòa nhà văn phòng của SCSC có tổng diện tích xây dựng là 8.650 m², gồm 6 tầng.

Bãi đậu xe: có sức chứa hơn 60 xe du lịch khu vực văn phòng, 70 xe tải phục vụ nhà ga và hơn 1.000 xe hai bánh.

Hình ảnh Tòa nhà văn phòng SCSC



6.2. Doanh thu và lợi nhuận theo từng nhóm sản phẩm/dịch vụ qua các năm

a) Sản lượng sản phẩm/Giá trị dịch vụ qua các năm

Khoản mục	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Quý 1/2018
Khai thác nhà ga	Tấn	161.210	186.140	43.634
- Hàng hóa quốc tế	Tấn	126.103	143.915	31.747
- Hàng hóa quốc nội	Tấn	35.115	42.225	11.887
Cho thuê sân đậu máy bay	Vị trí	5	5	5
Cho thuê văn phòng	m ²	6.188	6.278	6.251

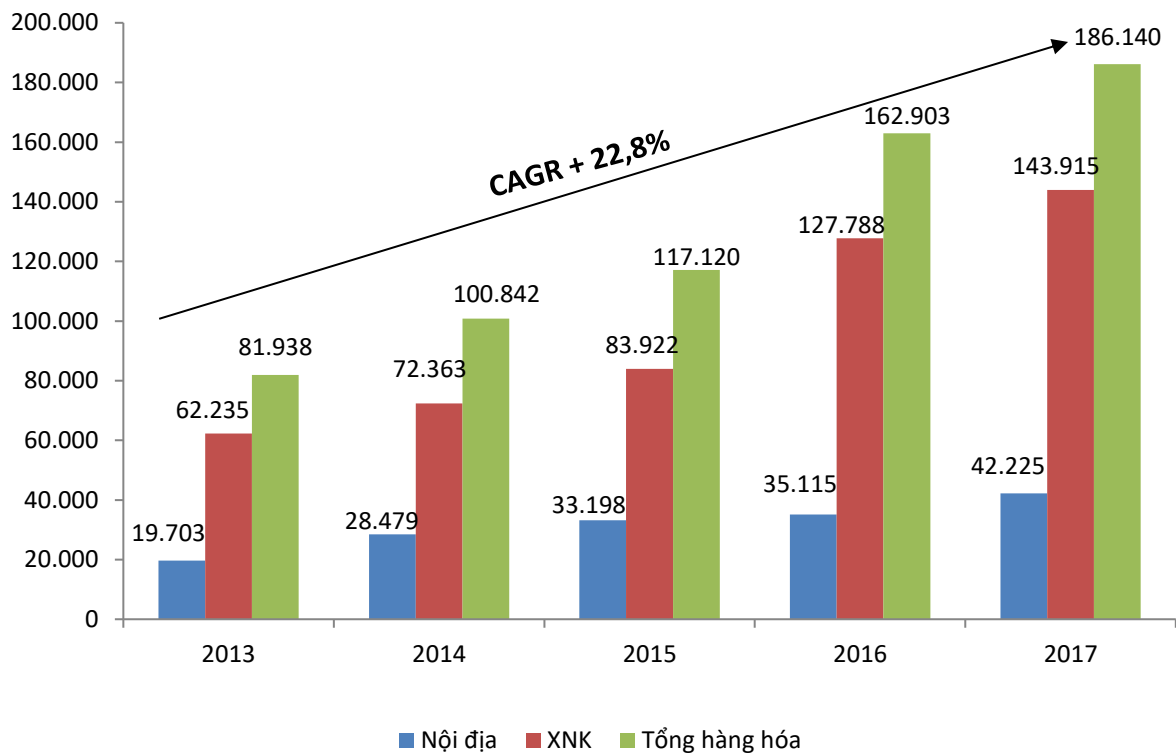
Nguồn: SCSC

Tổng sản lượng hàng hóa SCSC thực hiện năm 2017 đạt 186.140 tấn, trong đó: hàng quốc tế và quốc nội tương ứng là 143.915 tấn và 42.225 tấn, tăng 15,5% so với năm 2016 và tăng 3,1% so với kế hoạch 2017.

Những yếu tố tích cực làm tăng sản lượng hàng hóa thực hiện qua SCSC bao gồm:

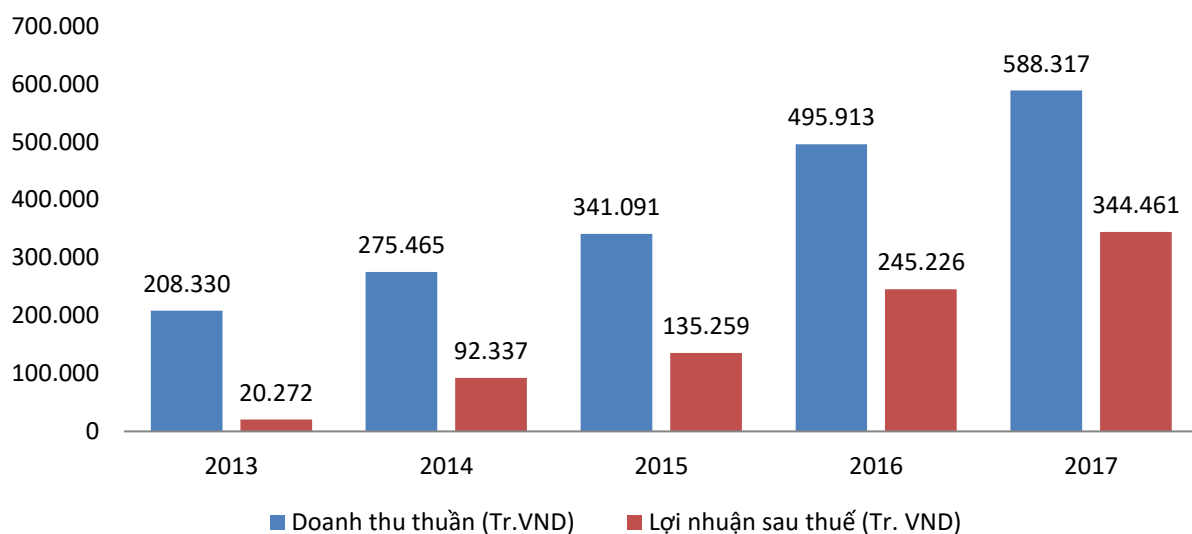
- Thị trường phát triển lành mạnh, cụ thể:
 - Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam cả năm 2017 đạt 425,12 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2016; trong đó tổng trị giá xuất khẩu đạt 214,02 tỷ USD, tăng 21,2% và tổng trị giá nhập khẩu đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%. Cả năm 2017, Việt Nam đã xuất siêu hàng hóa đạt 2,92 tỷ USD, tăng mạnh 64% so với năm 2016.
 - Sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không của Việt Nam trong năm qua đạt trên 94 triệu hành khách, tăng 16% so với thực hiện năm 2016; sản lượng hàng hóa-bưu kiện vận chuyển đạt 1.338.565 tấn, tăng 19% so với thực hiện năm 2016.
- Hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất tăng 17,3% so với 2016.

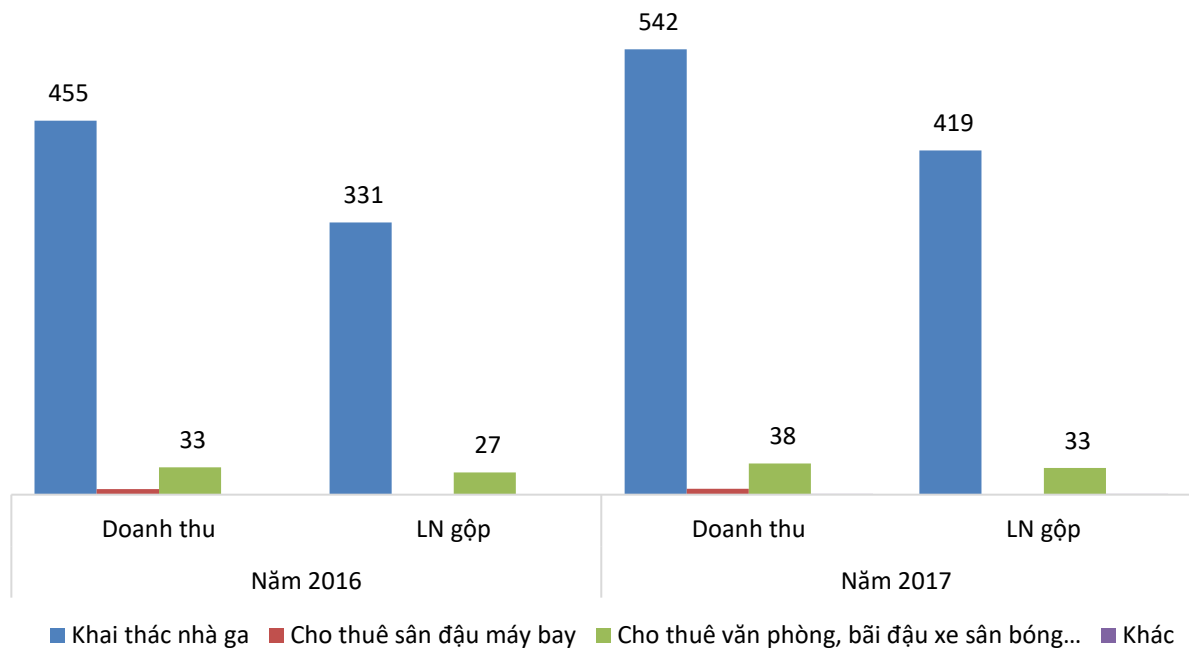
**Sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và nội địa của SCSC
Giai đoạn 2013-2017 (tấn)**



Tốc độ tăng trưởng hàng hóa bình quân giai đoạn 2013-2017 là 22,8%/năm (Nội địa: 21%, Quốc tế: 23,3%)

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của SCSC giai đoạn 2013-2017



Cơ cấu Doanh thu và Lợi nhuận gộp của SCSC năm 2016 – 2017 (tỷ đồng)

b) Doanh thu bán hàng theo nhóm sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Quý 1/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Khai thác nhà ga	455.236.267.193	91,80%	542.072.848.136	92,14%	135.528.808.228	92,13%
Cho thuê sân đậu máy bay	6.985.427.032	1,41%	7.006.354.587	1,19%	1.752.442.476	1,19%
Cho thuê văn phòng, bãi đậu xe ... và các dịch vụ liên quan	33.440.591.803	6,74%	38.095.574.560	6,48%	9.547.470.138	6,49%
Khác	250.789.714	0,05%	1.142.543.943	0,19%	274.123.817	0,19%
Tổng cộng	495.913.075.742	100%	588.317.321.226	100%	147.102.844.659	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

Trong năm 2017, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của SCSC đạt 588 tỷ, tăng 18,6% so với năm 2016, chủ yếu đến từ mức tăng trưởng doanh thu 19,1% của mảng kinh doanh chính (chiếm khoảng 92% doanh thu thuần của Công ty qua các năm) là khai thác nhà ga hàng hóa, tăng từ 455 tỷ năm 2016 lên 542 tỷ năm 2017.

Doanh thu từ các mảng khác chiếm khoảng 8% doanh thu thuần của SCSC cũng ghi nhận sự tăng trưởng nhưng không đáng kể như:

- Doanh thu từ Cho thuê sân đậu máy bay tăng 0,3% do hợp đồng cho thuê sân đậu máy bay với Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam là 10 năm thực hiện từ tháng 2 năm 2010 nên doanh thu từ mảng này sẽ ổn định đến khi hết hạn hợp đồng.
- Doanh thu từ Cho thuê văn phòng tăng 13,9% chủ yếu nhờ tăng giá thuê mặt bằng do tỷ lệ lấp đầy hiện đạt gần 100%.

c) Lợi nhuận gộp bán hàng theo nhóm sản phẩm/dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Quý 1/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT	Giá trị	Tỷ trọng /DTT
Khai thác nhà ga	331.164.411.935	66,78%	418.835.228.680	71,20%	108.121.118.519	73,5%
Cho thuê sân đậu máy bay	501.341.392	0,10%	433.858.682	0,07%	393.344.176	0,27%
Cho thuê văn phòng, bãi đậu xe ... và các dịch vụ liên quan	27.211.831.261	5,49%	32.659.181.365	5,55%	7.802.723.367	5,3%
Khác	132.543.998	0,02%	946.402.194	0,16%	230.835.813	0,16%
Tổng cộng	359.010.128.586	72,39%	452.874.670.921	76,98%	116.548.021.875	79,23%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

Biên lợi nhuận gộp của Công ty tăng trưởng tích cực từ mức 72,4% năm 2016 lên mức 77% năm 2017 và đạt mức 79% Quý 1/2018 chủ yếu cũng đến từ mức tăng trưởng Biên lợi nhuận gộp của khai thác nhà ga hàng hóa, tăng từ mức 66,8% năm 2016 lên mức 71,2% năm 2017 và mức 73,5% Quý 1/2018.

6.3. Nguyên vật liệu

a) Nguồn cung cấp nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào của SCSC chủ yếu là nylon tấm để đóng gói hàng hóa sau khi đã kiểm hóa hàng xuất khẩu, các mẫu vận đơn, giấy văn phòng, xăng dầu để vận hành các loại xe chuyên dùng trong nhà ga, điện. Các nguyên vật liệu được cung cấp phổ biến trên thị trường với nguồn cung dồi dào và giá ổn định.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên liệu, dịch vụ chính cho Công ty:

Stt	Nguyên liệu / Dịch vụ	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Dịch vụ diệt côn trùng	Khử trùng VN (VFC)	Việt Nam

Stt	Nguyên liệu / Dịch vụ	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
2	Dịch vụ nấu ăn	P.Dussmann	Việt Nam
3	Dịch vụ bảo vệ	Nam Hải Dương	Việt Nam
4	Dịch vụ cho thuê công nhân	Sao Xanh + Nhân Kiệt	Việt Nam
5	Dịch vụ vệ sinh	Nhà Sạch	Việt Nam
6	Dịch vụ cho thuê & chăm sóc cây cảnh	Cảnh quan Babylon	Việt Nam
7	Cung cấp màng nylon dẻo quần hàng	Hương Tuyên	Việt Nam
8	Dịch vụ may đồng phục	Việt Tiến, Kiến Á	Việt Nam
9	Cung cấp dầu DO	Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Việt Nam
10	Cung cấp giày bảo hộ lao động	An Bắc	Việt Nam

Nguồn: SCSC

b) Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá vốn về nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu giá vốn của SCSC (dưới 10%) nhưng Công ty luôn cố gắng hạn chế tối đa những ảnh hưởng do biến động giá cả của nguyên vật liệu đến hoạt động kinh doanh bằng cách lựa chọn nhà cung cấp lớn, uy tín cùng với xây dựng quan hệ tốt với các nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào được cung cấp với giá cả hợp lý, chất lượng ổn định và quản lý định mức tiêu hao phù hợp.

Bên cạnh đó, Công ty có một bồn trữ dầu có trữ lượng lên tới 15.000 lít, giúp Công ty bảo đảm ổn định hoạt động khai thác của nhà ga trong trường hợp yếu tố xăng dầu có sự biến động lớn về nguồn cung và giá cả.

6.4. Chi phí sản xuất

Giá vốn hàng bán của Công ty và các chi phí khác được thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Quý 1/2018	
		Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
01	Giá vốn hàng bán	136.902.947.156	27,61%	135.442.650.305	23,02%	30.554.822.784	20,77%
02	Chi phí bán hàng	-	0,00%	-	0,00%	-	0,00%
03	Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.993.989.952	14,11%	65.571.891.679	11,15%	14.108.555.127	9,6%
04	Chi phí hoạt động tài chính	13.386.085.369	2,70%	5.195.810.674	0,88%	93.512.268	0,06%
	Tổng cộng	220.283.022.477	44,42%	206.210.352.658	35,05%	44.756.890.179	30,43%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố trong 2 năm gần nhất

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.277.523.295	2,55%	6.051.628.908	3,01%
Chi phí nhân công	91.839.718.090	44,39%	78.603.146.004	39,10%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.428.927.118	26,31%	55.871.323.857	27,79%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.564.683.645	23,96%	54.076.903.100	26,90%
Chi phí khác	5.786.084.960	2,80%	6.411.540.115	3,19%
Tổng cộng	206.896.937.108	100,00%	201.014.541.984	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 của SCSC

Các chi phí chính của SCSC là nhân công, dao động trong khoảng 39% - 44% tổng chi phí sản xuất kinh doanh, khấu hao 26% - 28% và dịch vụ mua ngoài (chủ yếu là tiền điện và phí dịch vụ hàng nhập, hàng xuất) 24% - 27%.

Biến động các khoản mục chi phí trong 2 năm gần nhất

Đơn vị tính: đồng

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2016	Năm 2017	% +/- so với năm 2016
1	Giá vốn hàng bán	136.902.947.156	135.442.650.305	-1,07%
2	Chi phí bán hàng	-	-	n/a
3	Chi phí quản lý DN	69.993.989.952	65.571.891.679	-6,32%
4	Chi phí hoạt động tài chính	13.386.085.369	5.195.810.674	-61,18%
	Tổng cộng	220.283.022.477	206.210.352.658	-6,39%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của SCSC

Tổng chi phí trong năm 2017 của SCSC giảm 6,39% so với năm 2016 chủ yếu do Công ty đã kiểm soát tốt chi phí. Cụ thể:

- Giá vốn hàng bán giảm 1,1% so với năm 2016 (mặc dù Công ty đã ghi nhận mức tăng trưởng Doanh thu thuần 18,6%) là do Công ty quản lý và sử dụng nhân công lao động trực tiếp hiệu quả hơn thông qua ký Hợp đồng thuê công nhân thuê ngoài và linh hoạt bố trí số lượng ca làm việc phù hợp.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 6,32%.

- Chi phí hoạt động tài chính giảm 61,18% so với 2016 do tổng dư nợ vay giảm từ 81 tỷ năm 2016 xuống còn 10 tỷ năm 2017.

6.5. Trình độ công nghệ

Hoạt động của nhà ga hàng hóa được thực hiện tương ứng với các luồng hàng ra vào nhà ga:

Hàng nhập khẩu:

Các xe kéo hàng và ULD được dỡ hàng tại khu dỡ hàng có diện tích lớn. Khi dỡ hàng ra thì hàng sẽ được lưu vào kho tùy theo đặc tính và kích cỡ của lô hàng.

Nhà ga có các kho giữ vật quý hiếm, kho lạnh, kho làm mát để lưu kho hàng hóa.

Hàng thông thường đặt trên các pallet và lưu vào hệ thống lưu kho giá pallet (warehouse pallet). Các kiện hàng nhỏ lưu tại các giá lưu kho.

Hàng hóa theo lô (Lot Cargo) tức là lô hàng gồm nhiều kiện hàng nhỏ, sẽ được lưu trên hệ giá. Các lô hàng này thường được kiểm tra xác suất sẽ được lưu tại chỗ chỉ có kiện hàng lấy ra kiểm tra xác suất sẽ được chuyển tới khu kiểm hóa. Số còn lại sau khi thông quan sẽ chuyển đến khu cầu nối xe tải (truck dock) để trả hàng.

Hàng xuất khẩu:

Các lô hàng được kiểm tra và chấp nhận tại khu vực Cầu đỡ xe tải, sau đó sẽ được Hải quan kiểm hóa và đi qua khu vực soi chiếu an ninh. Sau khi qua soi chiếu an ninh, nếu được chấp nhận thì sẽ chuyển đến trạm xếp dỡ (Workstation) của hệ thống CHS. Sau khi xếp hàng xong vào các ULD, ULD sẽ cân trọng lượng và được niêm phong đưa vào hệ thống CHS bằng các thiết bị vận chuyển trên cao (ETV). Sau đó các ETV sẽ chuyển ra các xe dolly đưa ra máy bay.

Để đáp ứng một cách hiệu quả các công việc trên, đảm bảo độ chính xác và thời gian nhanh nhất, SCSC đã đầu tư xây dựng một nhà ga hàng hóa có vị trí ngay sát sân đậu máy bay của sân bay Tân Sơn Nhất, thuận tiện cho các luồng hàng, đồng thời trang bị hệ thống xử lý giao nhận hàng hóa đồng bộ với các thiết bị hiện đại bán tự động và áp dụng giải pháp công nghệ thông tin để xử lý hàng hóa trong nhà ga.

a) **Kết cấu nhà ga:**

Kích thước tổng thể của nhà ga là 26.670 m² (127 x 210 m), có mái che rộng phủ ra ngoài sân đỗ máy bay, phía trước dùng cho xe tải cập vào nhà ga. Mặt sàn nhà ga cao hơn sân đậu ô tô khoảng 1m để thuận tiện cho xe cập vào thả hàng tại các truck dock. Phần nhà ga tiếp xúc với sân đỗ máy bay được vuốt dốc để thuận tiện cho xe dolly và các thiết bị phục vụ mặt đất đưa hàng ra vào nhà ga. Nhà ga gồm khu nhập, khu xuất. Văn phòng nghiệp vụ được bố trí trong nhà ga.

- **Khu hàng nhập:** có tổng diện tích 5.220 m², có không gian mở để có thể đồng thời thực hiện công tác dỡ hàng, kiểm hóa hàng từ các chuyến bay khác nhau. Khu hàng nhập có bố trí khu vực giữ hàng thông thường, kiện hàng nhỏ, hàng theo lô, hàng đặc biệt, kho lạnh, kho mát, kho giữ hàng quý hiếm, hàng quan tài.

- **Khu hàng xuất:** tổng diện tích 6.960 m², bố trí hệ thống vận chuyển và xử lý hàng hóa MHS. Các máy soi chiếu an ninh được bố trí cho an ninh và hải quan kiểm tra các lô hàng. Các cân trọng lượng bố trí tại khu vực trước máy soi chiếu.
- **Khu văn phòng và tiện ích trong nhà ga:** có diện tích 5.000 m² là nơi đội kiểm hóa, phòng khai thác hàng nhập, hải quan, kiểm dịch động thực vật, trung tâm giao dịch kinh doanh, an ninh làm việc.
- **Các tiện ích phụ trợ:**
 - Bãi tập kết ULD, xe dolly: khu tập kết thiết bị phục vụ mặt đất được bố trí tiếp giáp sân đậu máy bay, diện tích khoảng 13.321 m².
 - Đường GSE, cargo loading, bãi xe tải, sân: có diện tích khoảng 30.000 m². Bãi xe gồm vị trí đỗ xe, đường lưu thông, không gian lưu chuyển và các cổng giám sát ra vào của xe tải. Mặt bằng được tính toán đảm bảo cho tải cỡ lớn kể cả xe container 40 feet có thể di chuyển không bị trở ngại.

b) Hệ thống xử lý hàng hóa (MHS) của SCSC:

Đây là hệ thống rất hiệu quả trong việc lưu kho các thiết bị chất xếp hàng hóa (ULD) trước giờ máy bay cất cánh, vì hàng xuất phải được chấp nhận sớm trước chuyến bay, đặc biệt vào lúc cao điểm.

MHS được vận hành chủ yếu bởi Thiết bị vận chuyển trên cao (ETV) và bộ đường ray, thiết bị chất xếp hàng hóa (ULD) và các bộ phận sau:

- Kết cấu khung giá CHS và Băng tải lưu kho.
- Băng tải giao diện.
- Băng tải cân.
- Trạm chất hàng.
- Nâng thủy lực.
- Băng tải cắt ngang.
- Băng tải trung chuyển.
- Cân dolly.
- Bộ xếp ULD (Dạng con lăn và bi).

Thiết bị vận chuyển trên cao (ETV)

Hệ thống xử lý hàng hóa (MHS)



Các ETV có nhiệm vụ di chuyển theo chiều ngang trên đường ray nằm giữa 2 khung giá và nâng lên hạ thấp giàn con lăn của mình để cấp hoặc lấy ULD ra / vào từ các vị trí trên khung giá đỡ. Các thiết bị ETV hoạt động độc lập và có thể hỗ trợ nhau khi có sự cố.

- Kết cấu khung giá MHS:

Kết cấu khung giá là các kết cấu thép tự đứng, được lắp đặt trong tòa nhà kho, là các bộ phận hỗ trợ cho các băng chuyền của ngăn chứa hàng giao tiếp với ETV.

Các động cơ chạy điện và băng chuyền loại dẫn động ma sát sẽ được hỗ trợ trong kết cấu này và sẽ được dùng để lưu chứa ULD.

Kết cấu khung giá được thiết kế có ba (3) tầng, có cân nhắc tới khả năng mở rộng trong tương lai.

Mỗi ngăn giá sẽ được đánh số để xác định vị trí. Việc sắp xếp dãy cũng hết sức quan trọng. Các dãy phải song song có hành lang ở giữa. Sự sắp xếp phải đồng nhất cho mọi mức cân bằng ở cả hai phía.

Có các kết cấu giằng giữ ổn định hai bên để đứng vững trước các tải trọng bên gây ra bởi thao tác chuyển/lấy ULD chứa đầy hàng, bởi sự co kéo của bộ hãm pallet, các dẫn động ma sát (ETV) và các lực địa chấn, lùa gió.

- Trạm chất xếp:

Trạm chất xếp chuyển ULD, gờ rộng trước bệ (có khả năng cho xe chạy qua trên bề mặt) là một Băng chuyền Bánh xe có động cơ, lắp ở trên bàn nâng thủy lực.

Hố máy trong lòng đất cần đủ lớn để chứa bộ phận thủy lực, các chi tiết giám sát điện và thang tiếp cận, được thiết kế có khả năng cho xe chạy qua trên bề mặt, chẳng hạn như xe nâng đang có toàn tải hay xe kéo với tải trọng tới 4.000 kg.

- Băng chuyền cắt ngang:

Băng chuyền cắt ngang dùng để chuyển ULD giao diện với các Trạm chất xếp và ETV. Băng chuyền này có tính năng chuyển bốn hướng: trước, sau, phải, trái của

ULD, có mặt bàn chuyển cao khoảng 508mm, cố định tính từ tâm của con lăn đến mặt sàn, khi chuyển ở bất kỳ hướng nào. Tốc độ chuyển 18m/phút.

- Băng chuyển trung chuyển:

Băng chuyển trung chuyển dùng để chuyển ULD giao diện với Băng chuyển cắt ngang, một động cơ bánh răng chuyển kèm theo hệ thống phanh điện tử và bộ ly hợp nhân công, bộ phanh có đủ khả năng dừng toàn tải trong phạm vi 125 mm và triết tiêu chuyển động khi tải đang dừng, công tắc hoặc sensors giám sát chuyển động của ULD kèm theo, chiều cao của băng chuyển là 508 mm tính từ mặt sàn lên mặt băng chuyển.

- Băng chuyển giao diện với dolly:

Băng chuyển này dùng để chuyển ULD từ ETV tới xe Dolly đỗ tại khu ramp.

Một động cơ bánh răng chạy điện sẽ dẫn động băng chuyển kèm theo hệ thống phanh điện tử và bộ ly hợp nhân công, bộ phanh có đủ khả năng dừng toàn tải trong phạm vi 125 mm và triết tiêu chuyển động khi tải đang dừng, công tắc hoặc sensors giám sát chuyển động của ULD kèm theo. Chiều cao của băng chuyển là 508 mm tính từ mặt sàn lên mặt băng chuyển.

- Cân dolly:

Cân Dolly, như tên gọi, dùng để cân trọng lượng của ULD khi được chuyển tới băng xe dolly. Dữ liệu cân được truyền tới máy tính điều khiển.

- Bộ xếp ULD (dạng con lăn):

Bộ xếp ULD dùng để xếp tạm các ULD tại phía khu ramp.

Danh sách một số nhà cung cấp máy móc thiết bị cho Công ty

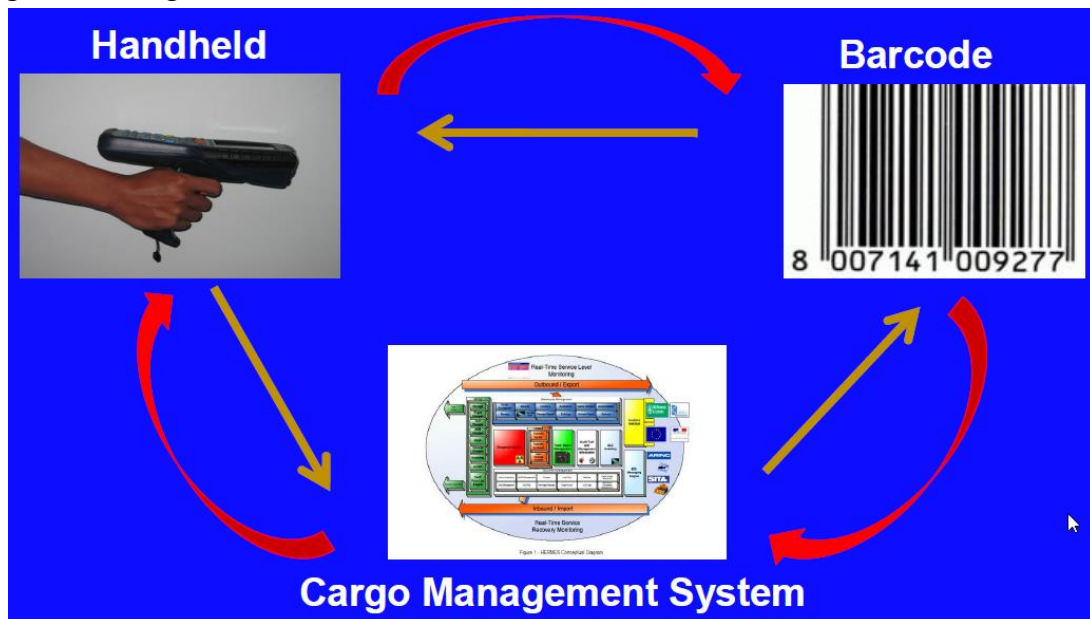
Tên nhà cung cấp	Sản phẩm cung cấp
Delfi Technologies (Anh)	cung cấp handheld (máy scan barcode)
Dân Cường (Việt nam)	kệ, pallet sắt
T.H.O (Việt Nam)	cung cấp trolley, dolly
Loedige (Đức)	cung cấp hệ thống xếp dỡ hàng tự động
Smith Detections (Đức)	máy soi chiếu
UMW VN, Sanyo VN (Nhật)	xe nâng điện, xe đầu kéo

Nguồn: SCSC

c) Giải pháp Công nghệ thông tin

Mục đích phát triển Hệ thống quản lý nhà ga hàng hóa (CMS) được cung cấp bởi Hermes – Anh, nhằm hiện thực hóa việc cung cấp chất lượng dịch vụ cao cho khách hàng và đảm bảo quản lý và khai thác ga hiệu quả. Mục đích này được thực hiện nhờ ứng dụng công nghệ tin học để hỗ trợ và nâng cao tính năng, ưu điểm của các hệ thống xử lý hàng hóa

hiện đại như Hệ thống xử lý hàng hóa (MHS), Hệ thống giá trượt, Hệ thống Carrousel lưu giữ kiện hàng nhỏ.



- Mạng LAN không dây:

Mạng LAN không dây được xem và sử dụng là giải pháp truyền số liệu chính tại các trung tâm hậu cần, mạng này đã được chọn làm công nghệ kết nối giữa Thiết bị đầu cuối cầm tay với Máy đọc Mã vạch, được sử dụng trong công đoạn kiểm hóa cũng như là các Thiết bị đầu cuối khác được lắp trên bàn điều khiển của Hệ thống Carrousel và xe nâng hàng làm việc tại khu vực Hệ thống Giá trượt.

Mạng LAN không dây có ưu điểm như sau: cho phép xử lý số liệu chính xác ngay lập tức, quản lý tập trung số liệu và các hoạt động của công nhân và hàng hóa; đảm bảo trình tự các bước xử lý được thực hiện theo đúng hướng dẫn xử lý, nhờ đó sẽ đảm bảo khai thác theo tiêu chuẩn đề ra và hiệu quả; xử lý nhanh các lô hàng, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, uy tín và hình ảnh của SCSC.

- Công nghệ Mã vạch:

Công nghệ Mã vạch là nhân tố then chốt trong hoạt động hậu cần trên thế giới hiện nay và thường được sử dụng trong các hệ thống hậu cần. Để tránh các sai sót của con người khi nhập số liệu và giúp kiểm hóa nhanh hơn, phương pháp sử dụng súng quét và đọc mã vạch trên kiện hàng là phổ biến và hiệu quả nhất. Nó cũng dùng để đọc số của giá đỡ hàng hoặc số xe dolly.

Trong hệ thống CMS, mã vạch sẽ được dùng trên nhãn lưu kho, biển số của giá hàng và của xe dolly, qua đó có thể đọc và nhập số liệu về vị trí lô/kiện hàng vào hệ thống mà không cần các thao tác nhân công.

- Nhãn lưu kho:

Quản lý Vị trí Lưu kho hàng nhập khẩu dựa trên việc sử dụng các Nhãn Lưu kho.

Nhãn Lưu kho là tấm giấy khổ A4 có in sẵn mã vạch và các ô ghi số Vận đơn, số hiệu Chuyến bay, số lượng kiện và nơi sẽ lưu kho hàng. Nhãn được dán lên từng lô hàng đặt trên pallet hoặc dán trực tiếp lên kiện hàng lẻ. Sử dụng Nhãn sẽ giúp kiểm hàng nhanh và chính xác, lưu kho đúng vị trí và dễ tìm/lấy hàng để trả cho khách.

- Mở và Có thể cầm tay:

CMS là hệ thống kết nối và nhận thông tin từ hệ thống LCS. Tuy nhiên, nếu hệ thống LCS bị thay thế hoặc xây dựng lại trong tương lai thì CMS vẫn có thể hoạt động cùng với hệ thống mới bởi vì CMS được thiết kế là Hệ thống mở, dùng để quản lý và khai thác hàng hóa với dữ liệu và thông tin truy nhập từ bất kỳ hệ thống nào khác.

Thêm nữa, CMS có thể sử dụng độc lập bằng cách nhập thông tin chuyến bay và lệnh giao nhận hàng vào hệ thống mà không cần tải xuống từ các hệ thống khác.

- Giao diện với SITA:

Các chức năng giao diện và nhập dữ liệu để nhận các thông tin, dữ liệu manifest từ mạng SITA là rất quan trọng. Chức năng này rất công dụng trong việc giảm thiểu các công việc nhập số liệu và tránh được các sai sót nhân công.

Tại Tòa nhà văn phòng, Công ty cũng lắp đặt hệ thống kỹ thuật hỗ trợ công ty quản lý tòa nhà như sau:

- Hệ thống BMS (Building Management System) điều khiển và quản lý hệ thống kỹ thuật trong tòa nhà.
- Hệ thống phát điện 24/24. Ba máy phát điện dự phòng, mỗi máy có công suất 1MW, cung cấp toàn bộ 100% tải điện cho tòa nhà khi bị cúp điện lưới, tự động chuyển dòng điện trong 15s từ khi cúp điện.
- Hệ thống camera 24/24 phủ kín tòa nhà.
- Hệ thống báo cháy trung tâm, chữa cháy tự động Sprinkler.
- Hệ thống máy lạnh trung tâm VRV thông minh.
- Hai thang máy hiện đại, 1 thang bộ và 1 thang thoát hiểm.

6.6. Phát triển sản phẩm mới

Xây dựng Trung tâm sản xuất, phân phối suất ăn hàng không (Catering) tại sân bay Tân Sơn Nhất. Dự án này đã được HĐQT thông qua chủ trương đầu tư vào tháng 10/2016. Công ty đã báo cáo dự án này cho đối tác là Quân chủng PKKQ. Quân chủng PKKQ đã trình dự án cho Bộ Quốc phòng để phê duyệt. Sau khi được phê duyệt SCSC sẽ triển khai trong thời gian sớm nhất.

SCSC hiện đang khảo sát và xem xét khả năng mở rộng dịch vụ nhận hàng xuất tại Phnom Penh (Campuchia). SCSC sẽ thay mặt các Hãng Hàng không hiện nay SCSC đang phục vụ tại sân bay Tân Sơn Nhất, nhận hàng tại địa điểm thông quan tại Phnom Penh, vận chuyển đường bộ từ Phnom Penh về TP. Hồ Chí Minh, làm thủ tục thông quan tại biên giới/ Sân bay Tân Sơn Nhất và xếp hàng lên máy bay tại SCSC (Road feeder service).

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Với việc trang bị về cơ sở hạ tầng, hệ thống thiết bị đồng bộ cùng công nghệ tiên tiến, SCSC đảm bảo chất lượng dịch vụ hàng hóa tốt nhất cho các luồng hàng xuất/nhập từ nhà ga.

Công tác an ninh tại nhà ga hàng hóa SCSC được quan tâm đặc biệt và thực hiện một cách nghiêm túc, triệt để trong hoạt động khai thác hàng ngày. Việc duy trì mức độ an ninh cao tại nhà ga hàng hóa giúp bảo vệ hàng hóa cũng như máy bay được an toàn và chính điều này giúp cho các hãng hàng không có thể đảm bảo cung cấp một dịch vụ hiệu quả và hoàn hảo tới các đối tác của họ.

Nhằm cam kết duy trì các tiêu chuẩn an ninh cao, nhà ga hàng hóa SCSC đã phối hợp chặt chẽ với nhà chức trách sân bay, Hải quan và các đơn vị có liên quan khác để đảm bảo một quy trình phục vụ hàng hóa an toàn và hiệu quả. Bên cạnh đó, các giải pháp tối ưu đã được SCSC thực hiện như: đầu tư mua một máy soi chiếu X-quang hiện đại, đủ lớn để soi chiếu nguyên ULD và trang bị một hệ thống camera giám sát (CCTV) bao phủ khắp nhà ga cùng với việc tuân tra canh gác liên tục 24/7 của một công ty an ninh chuyên nghiệp. Quy trình an ninh tại Nhà Ga được đặt dưới sự giám sát qua hệ thống Camera CCTV, đủ khả năng đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của tiêu chuẩn TAPA hạng A.

Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng tới việc bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác. Nhằm hạn chế những tác động xấu đến môi trường, SCSC đã trang bị các thiết bị và áp dụng hệ thống quản lý môi trường với mục tiêu duy trì môi trường làm việc thân thiện trong khu vực nhà ga hàng hóa và các vùng lân cận như sau:

- Toàn bộ xe nâng sử dụng trong nhà ga đều là xe nâng điện, không phát ra khí thải CO₂ và giúp giảm thiểu tiếng ồn so với các loại xe nâng khác khi vận hành.
- Ánh sáng tự nhiên được lấy từ mái nhà ga qua 15% diện tích bề mặt, giúp giảm điện năng tiêu thụ. Quạt hút gió được lắp trên mái giúp tăng khả năng thay đổi không khí làm cho nhà ga luôn được thoáng mát.
- Sử dụng máy quét mã vạch và áp dụng hệ thống quản lý hàng hóa Hermes, điều đó giúp giảm thiểu tối đa việc sử dụng giấy tờ để đăng ký và lưu trữ hồ sơ.

6.8. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của SCSC triển khai các chiến lược tổng thể sau:

- **Chiến lược sản phẩm:** Công ty cung cấp chất lượng dịch vụ đạt chuẩn IATA cho khách hàng là các Hãng hàng không và luôn nâng cấp chất lượng dịch vụ hướng tới làm hài lòng khách hàng với mức cao nhất.
- **Chiến lược giá cả:** hợp lý phù hợp mặt bằng khu vực và thu hút khách hàng thông qua chất lượng dịch vụ.
- **Chiến lược tiêu thụ:** đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ không những phục vụ cho các hãng máy bay mà còn các nhà xuất nhập khẩu, các công ty Logistics. Không những

cung cấp dịch vụ thông qua hàng hóa xuất nhập khẩu mà còn các dịch vụ tạo giá trị tăng thêm như gom hàng, hàng ngoại quan, hàng vận chuyển nội địa.

- **Chiến lược xúc tiến bán hàng:** SCSC tích cực tham gia các sự kiện hội chợ, hội thảo hàng không trong khu vực, quảng bá hình ảnh công ty qua Hiệp hội giao nhận Viet Nam Vifas qua tạp chí, báo chí...

Sau khi nhà ga hàng hóa quốc tế SCSC đi vào hoạt động, số lượng các hãng hàng không hợp tác với SCSC đã không ngừng tăng lên. Đây là thành quả đáng ghi nhận.

6.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Logo:



Màu sắc logo: vàng cam, xanh dương, trắng.

Mô tả: Nhân hiệu là một tổng thể gồm hình thang màu vàng cam có sọc trắng nằm ở 1/3 cạnh bên trái, bao quanh là một mũi tên màu xanh dương và trắng. Bên phải là hàng chữ SCSC được viết cách điệu theo Font Goods Times Rg màu xanh dương.

Logo được chấp nhận theo Quyết định số 54174/QĐ-SHTT của Cục Sở Hữu Trí Tuệ ngày 27/12/2011.

6.10. Các hợp đồng tiêu biểu đã và đang được thực hiện

Hợp đồng tiêu biểu với nhà cung ứng:

TT	Nhà cung ứng	Loại hình dịch vụ	Thời gian thực hiện
1	Quân chủng Phòng không – Không quân (Bộ Quốc Phòng)	Hợp tác khai thác dịch vụ tổng hợp hàng không	49 năm (Từ 08/4/2008 đến 08/4/2057)

Khách hàng là hãng hàng không, TCT Cảng HK Việt Nam và Quân chủng PK-KQ:

TT	Khách hàng	Loại hình dịch vụ	Thời gian thực hiện	Doanh thu năm 2017
1	Nhóm 1 (Lufthansa; Cargo lux)	Xử lý hàng hóa	Dài hạn	>25 tỷ đồng
2	Nhóm 2 (Emirate; Turkish Airlines)	Xử lý hàng hóa	Dài hạn	>35 tỷ đồng
3	Nhóm 3 (Cathay pacific; Air Hongkong; Hongkong Airlines)	Xử lý hàng hóa	Dài hạn	>70 tỷ đồng
4	Nhóm 4 (Singapore Airlines; Tiger Airways; Thai Airways)	Xử lý hàng hóa	Dài hạn	>40 tỷ đồng
5	Nhóm 5 (Vietjet; Cardig Air; Raya Airways; Malindo Air; Xiamen Airlines; Tway Airlines; Royal Brunei; Sichuan; Air New Zealand; Thai Lion Air)	Xử lý hàng hóa	Dài hạn	>40 tỷ đồng

TT	Khách hàng	Loại hình dịch vụ	Thời gian thực hiện	Doanh thu năm 2017
6	Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam (ACV)	thuê sân đậu máy bay	Đến 9/2/2020	>07 tỷ đồng

Khách hàng thuê văn phòng:

TT	Số hợp đồng	Tên Công ty	Ngày ký	Thời gian thực hiện	Tình trạng	Gía trị (đồng)
1	05/13/C-OB/SCSC-VBL	Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam	01/06/2013 (Gia hạn đến 30/9/2019)	3 năm kể từ ngày 01/9/2016	Đang thực hiện	6,8 tỷ/năm
2	03/16/C-OB/SCSC-DSV	Công ty TNHH DSV AIR & SEA	01/05/2016	3 năm kể từ ngày 01/05/2016	Đang thực hiện	2 tỷ/năm
3	13/11/SCSC-HELLMANN	Công ty TNHH GNVN TOÀN CẦU HELLMANN	01/08/2011 (Gia hạn đến 01/08/2020)	3 năm kể từ ngày 01/8/2017	Đang thực hiện	2 tỷ/năm
4	11/12/C-OB/SCSC-JAS	Công ty TNHH JAS Việt Nam	06/04/2012 (Gia hạn đến 26/4/2019)	3 năm kể từ ngày 26/4/2016	Đang thực hiện	1,4 tỷ/năm

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016 và 2017

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016, 2017 và 31/3/2018

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm so với 2016	31/3/2018
1	Tổng tài sản	967.139.819.130	989.631.337.988	2,33%	923.606.330.160
2	Vốn chủ sở hữu	769.258.230.770	914.391.584.474	18,87%	855.547.759.029
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	495.913.075.742	588.317.321.226	18,63%	147.102.844.659
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	277.570.741.731	387.127.393.117	39,47%	103.003.597.936
5	Lợi nhuận khác	(2.214.983.226)	(2.688.637.976)	21,38%	(764.091.800)
6	Lợi nhuận trước thuế	275.355.758.505	384.438.755.141	39,62%	102.239.506.136

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm so với 2016	31/3/2018
7	Lợi nhuận sau thuế	245.225.841.507	344.461.153.704	40,47%	91.113.274.555
8	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	45,00%	30,00% (**)	-33,33%	n/a
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần	49,45%	58,55%	18,40%	61,94%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	31,88%	37,67%	18,17%	10,65%

(*) Bao gồm doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, không bao gồm doanh thu tài chính và doanh thu khác.

(**) Tạm ứng năm 2017, ĐHĐCĐ thường niên 2018 sẽ quyết định mức trả cổ tức năm 2017.

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017, BCTC tự lập 31/3/2018 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/04/2017 của SCSC

Trong năm 2017, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của SCSC đạt 588 tỷ, tăng 18,6% so với năm 2016. Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu năm 2017 tốt hơn năm 2016 là do:

- Có thêm 6 hãng hàng không sử dụng dịch vụ SCSC từ Quý IV-2016.
- Tất cả các hợp đồng với các hãng hàng không hết hạn trong năm 2017 đều được tái ký với giá phục vụ cao hơn.
- Lượng hàng hóa qua sân bay Tân Sơn Nhất năm 2017 tăng cao hơn 12% so với năm 2016.

Song song đó, việc Công ty kiểm soát tốt chi phí làm cho biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh (tính trên doanh thu thuần) năm 2017 tăng mạnh 39,6% so với năm 2016.

Kết thúc Quý 1/2018 Công ty ghi nhận Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế lần lượt là 147 tỷ và 91 tỷ, đều đạt 22% kế hoạch cả năm 2018 do Quý 1 thường là quý thấp điểm cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 và 2017

Thuận lợi:

- Công ty được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ nhà ga hàng hóa quốc tế đạt chuẩn của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA).
- Cung cấp dịch vụ nhà ga hàng hóa sân bay quốc tế là một loại hình kinh doanh có điều kiện nên không bị ảnh hưởng bởi các qui định của hiệp định WTO liên quan đến ngành logistics sau năm 2014.
- Nhà ga được thiết kế bởi các nhà tư vấn chuyên nghiệp, uy tín Lufthansa (Đức) và JAC (Nhật), nhờ hệ thống thiết bị vận hành tiên tiến, công nghệ thông tin đồng bộ

- ngay từ đầu đã đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn cao nhất của khách hàng.
- Nhà ga nằm ngay trong khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, có sân đỗ riêng với 5 vị trí đậu cho máy bay vận tải hàng hóa hạng nặng như B747 – 8F. Ngay từ lúc xây dựng đã được sự quan tâm của các Hãng hàng không do tính thuận lợi trong việc khai thác và tiết kiệm thời gian đậu máy bay cùng chi phí vận hàng từ nhà ga ra máy bay và ngược lại.
 - Công ty là Công ty liên kết của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV).
 - Bộ máy điều hành tinh gọn, nguồn nhân lực trẻ, có chọn lọc kỹ lúc tuyển dụng, được đào tạo thường xuyên đủ khả năng vận hành nhà ga với chất lượng cao.
 - Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA) dự báo Việt Nam trở thành thị trường vận chuyển hàng hóa hành khách quốc tế phát triển nhanh thứ 3 thế giới (chỉ sau Trung Quốc, Brasil); lượng hàng hóa sẽ tăng lên 1,4 – 1,6 triệu tấn vào năm 2019.

Khó khăn:

- Do kế hoạch kiểm tra đất quốc phòng, kế hoạch xây hồ điều tiết sân bay Tân Sơn Nhất của Bộ Quốc phòng và UBND Tp. Hồ Chí Minh, Công ty chưa thể triển khai được các dự án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt như: Tòa văn phòng SCSC 2, Trung tâm chế biến và phân phối suất ăn hàng không.
- Lao động phổ thông có sức khỏe, mong muốn việc làm ổn định ngày càng khó tuyển dụng do hình thành nhiều khu công nghiệp mới ở các địa phương, nhiều việc làm mới phát sinh do kinh tế cả nước phát triển tốt, phong trào khởi nghiệp gia tăng, nhiều ngành nghề mới ra đời.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay có một số công ty cung cấp dịch vụ hàng hóa hàng không quốc tế tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và Nội Bài như: Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn (SCS), Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS), Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCT), Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa hàng không Việt Nam (ACSV) (tiền thân là Trung tâm dịch vụ ga hàng hóa Nội Bài), Công ty TNHH Nhà ga hàng hoá ALS (ALSC) (công ty thành viên của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không ALS),....

SCSC là một trong những nhà ga hàng hóa tại Châu Á sử dụng hệ thống quản lý hàng bằng mã vạch (barcode). Nhờ hệ thống này việc quản lý hàng tại SCSC thông qua thiết bị cầm tay Handheld chính xác và tiết kiệm thời gian cũng như chi phí.

Sau hơn 07 năm hoạt động SCSC đã có được 23 hãng hàng không là khách hàng trong tổng số 58 hãng hàng không có mặt tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, trong đó có những hãng lớn, có uy tín trên thế giới như Cathay Pacific, Singapore Airlines, Emirates, Turkish Airlines, Thai, Cargolux, Lufthansa, ... Điều này thể hiện được vị thế của công ty trong ngành.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước đang có những chuyển biến tích cực, bên cạnh đó là quyết tâm của Đảng và Chính phủ trong việc cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam, nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa nói chung cũng như sản lượng hàng hóa qua cảng hàng không nói riêng sẽ có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai. Nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không thông qua các cảng hàng không của nước ta tăng trên 12%/năm trong giai đoạn từ 2017 đến 2020. Sự tăng trưởng này sẽ mở ra cơ hội lớn cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa đường hàng không như SCSC.

Ngoài ra, ngành Logistics, dịch vụ phục vụ và xử lý hàng hóa đang bắt đầu có được sự quan tâm đúng mức từ Nhà nước, thị trường mà lâu nay vẫn nằm trong tay các doanh nghiệp nước ngoài, với các chính sách phát triển hạ tầng giao thông, áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, phát triển nguồn nhân lực,... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển.

8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Một số chỉ tiêu tài chính của SCSC so với Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (NCT) - công ty cùng ngành đang niêm yết trong năm 2016 và 2017.

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	SCS		NCT	
	2016	2017	2016	2017
Tổng tài sản	967.140	989.631	489.381	508.994
Vốn chủ sở hữu	769.258	914.392	436.574	439.106
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	495.913	588.317	688.859	719.520
Lợi nhuận gộp	359.010	452.875	391.995	392.781
Lợi nhuận sau thuế	245.226	344.461	270.304	272.816
Biên lợi nhuận gộp	72,39%	76,98%	56,90%	54,59%
Biên lợi nhuận sau thuế	49,45%	58,55%	39,24%	37,92%
ROA	25,36%	34,81%	55,23%	53,60%
ROE	31,88%	37,67%	61,91%	62,13%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và 2017 của các công ty: SCS và NCT

8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới

a) Định hướng phát triển của Công ty

- Tập trung chỉ đạo định hướng hoạt động khai thác, sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển ổn định, đạt hiệu quả cao, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và lợi ích của cổ đông.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý, tăng cường phát triển kinh doanh và nguồn nhân lực để tăng cường hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục công tác kiểm tra giám sát, củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành, kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn.
- Đẩy mạnh hoạt động khai thuê hải quan. Nghiên cứu triển khai dịch vụ “cánh tay nối dài” sang Campuchia và xây dựng nhà máy sản xuất suất ăn hàng không.
- Mục tiêu đến năm 2020, đạt mức tăng trưởng hàng hóa bình quân 12%/năm, duy trì tỷ lệ lấp đầy văn phòng trên 95% và phát triển dịch vụ mới.

b) *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế của thế giới trong ngành*

Về cơ bản định hướng phát triển của Công ty phù hợp với triển vọng phát triển của ngành. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển và nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý, nhất là trong các kế hoạch phát triển sản phẩm dịch vụ và thị trường.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của toàn hệ thống Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 454 người. Cơ cấu lao động theo trình độ lao động của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động:	454	100%
- Thạc sỹ	5	1,10%
- Cao đẳng	26	5,73%
- Cử nhân	94	20,70%
- Kỹ sư	15	3,30%
- Trung cấp	90	19,82%
- Phổ thông cơ sở	72	15,86%
- Phổ thông trung học	152	33,48%
II. Phân theo Hợp đồng lao động:	454	100%
- Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	282	62,11%
- Hợp đồng lao động có thời hạn	145	31,94%
- Hợp đồng lao động thời vụ	27	5,95%
Tổng cộng	454	100%

9.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chính sách đào tạo

Tùy vào tính chất công việc, người lao động có liên quan được tham gia các chương trình đào tạo phù hợp của Công ty như sau:

Đào tạo về chuyên môn:

- Đào tạo chuyên môn cơ bản: bắt buộc đối với nhân viên bắt đầu làm việc tại công ty.
- Đào tạo chuyên môn nâng cao: đối với các vị trí cần thiết theo yêu cầu/tiêu chuẩn của ngành hàng không.
- Đào tạo định kỳ: tái đào tạo chuyên môn theo yêu cầu/tiêu chuẩn của ngành hàng không.
- Đào tạo phát sinh: khi có nhu cầu đào tạo đối với một số vị trí.

Đào tạo về quản lý: Đào tạo các khóa ngắn hạn cho cấp quản lý về dịch vụ khách hàng, kỹ năng quản lý, Kaizen-5S,....

b) Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Chính sách lương:

- Chính sách trả lương: trả lương theo vị trí công việc và theo hiệu quả công việc.
- Lương ngoài giờ: được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Chính sách xét tăng lương: hàng năm Công ty có chính sách xét tăng lương 1 lần.

Chính sách khen thưởng:

Ngoài lương trả cho người lao động theo quy định, Công ty còn trả lương tháng 13 và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên kịp thời người lao động khi có sáng kiến, năng suất làm việc.

Chế độ phúc lợi:

- Công ty tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Chế độ nghỉ phép: nhân viên được nghỉ phép 12 ngày/năm.
- Cung cấp suất ăn trưa miễn phí .
- Trang thiết bị bảo hộ lao động được trang thiết bị đầy đủ đảm bảo an toàn lao động.
- Khám sức khỏe định kỳ.
- Du lịch.

c) Chính sách lao động

Công ty áp dụng nhiều ca làm việc trong một ngày tùy thuộc vào lượng hàng hóa, số lượng chuyến bay trong ngày.

- Ca làm việc hành chính: từ 08:00 đến 17:00 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6, thứ 7 từ 08:00 đến 12:00; giờ nghỉ trưa cho ca hành chính từ 12:00 đến 13:00.
- Ngoài ca hành chính, các nhân viên hiện trường, kỹ thuật, bảo vệ làm việc theo ca luân

phiên, tổng số giờ mỗi ca theo quy định là 8 giờ (không bao gồm giờ nghỉ giữa ca).

- Ngày nghỉ tuần được áp dụng: 1,5 ngày/ tuần. Ca hành chính áp dụng chiều thứ 7 và cả ngày CN; đối với ca khác được sắp xếp luân phiên các ngày trong tuần và đảm bảo số ngày nghỉ tuần giống ca hành chính.
- Công ty áp dụng các ngày nghỉ lễ theo quy định hiện hành.

Đối với nhân viên ký hợp đồng có thời hạn được áp dụng 1 ngày phép cho mỗi tháng làm việc, trung bình 12 ngày/ năm/ nhân viên có hợp đồng xác định thời hạn tối thiểu 12 tháng; mỗi 5 năm được tính tăng 1 ngày phép.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Tình hình phân phối cổ tức trong các năm 2014, 2015, 2016 và 2017:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán	Ghi chú
Năm 2014	400 đồng/cổ phiếu	Tiền mặt	Đã thanh toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
Năm 2015	2.500 đồng/cổ phiếu	Tiền mặt	Đã thanh toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
Năm 2016	4.500 đồng/cổ phiếu	Tiền mặt	Đã thanh toán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ
Năm 2017 (tạm ứng) (*)	3.000 đồng/cổ phiếu	Tiền mặt	Đã thanh toán

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2017 không thấp hơn 30%. Ngày 07/02/2018 Công ty đã tạm ứng cổ tức cho cổ phiếu phổ thông là 3.000 đồng/cổ phiếu bằng tiền mặt.

Nguồn: SCSC

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

Tài sản cố định hữu hình

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 – 45 năm
- Máy móc và thiết bị: 03 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 07 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 – 10 năm
- Tài sản cố định khác: 04 – 05 năm

Tài sản cố định thuê tài chính

- Máy móc và thiết bị: 10 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 năm

Tài sản cố định vô hình

- Phần mềm máy tính: 03 – 08 năm

b) Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2017 là 11.560.000đồng/người, cao hơn thu nhập trung bình hàng tháng của người lao động tại Tp. Hồ Chí Minh là 11%.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 và 31/12/2017, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Các khoản nợ đến hạn phải trả đều được Công ty thực hiện thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2016, 31/12/2017 và 31/3/2018 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/3/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	2.090.557.577	2.090.557.577	2.090.557.577
2	Quỹ dự phòng tài chính			
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	61.441.842	61.441.745	61.441.745

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/3/2018
	Tổng cộng	2.151.999.419	2.151.999.322	2.151.999.322

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

f) **Tổng dư nợ vay ngân hàng**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/3/2018
1	Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả và Nợ thuê tài chính đến hạn trả)	17.806.253.880	6.736.770.480	5.045.912.190
1.1	Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch 2 (đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa)	5.806.253.880	6.736.770.480	5.045.912.190
1.2	Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê lại máy móc thiết bị	12.000.000.000	0	0
2	Vay dài hạn	63.929.080.449	3.356.554.755	3.356.554.755
2.1	Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch 2 (đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa)	51.930.484.059	3.356.554.755	3.356.554.755
2.2	Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu để thuê lại máy móc thiết bị	11.998.596.390	0	0
	Tổng cộng	81.735.334.329	10.093.325.235	8.402.466.945

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/3/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Dư nợ (đồng)	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch 2	8.402.466.945	Đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa	Hiện tại 4%/năm (USD)	120 tháng kể từ ngày 6/10/2010	Quyền khai thác dự án nhà ga hàng hóa và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay
+ Ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả)	5.045.912.190		4%/năm	9 tháng kể từ ngày 01/4/2018 đến 31/12/2018	
+ Dài hạn	3.356.554.755		4%/năm	Còn lại 18 tháng đến ngày 25/6/2019	

Nguồn: SCSC

g) *Tình hình công nợ hiện nay*
 *Các khoản phải thu:*
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/3/2018	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
1. Phải thu của khách hàng	51.046.635.810	-	54.978.753.730	-	64.536.776.048	
2. Trả trước cho người bán	7.050.372.818	-	3.337.193.769	-	1.965.267.948	
3. Các khoản phải thu khác	1.775.417.518	-	4.992.759.554	-	3.128.515.198	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(50.178.813)	-	-	-	-	
Tổng cộng	59.822.247.333	-	63.308.707.053	-	69.630.559.194	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC
 *Các khoản phải trả*
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/3/2018	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	71.979.836.769	-	54.409.120.660	-	46.022.482.637	-
Vay và nợ ngắn hạn	17.806.253.880	-	6.736.770.480	-	5.045.912.190	-
Phải trả người bán ngắn hạn	8.573.716.970	-	3.494.202.221	-	3.397.730.500	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	68.510.883	-	451.369.841	-	301.404.876	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.586.869.174	-	20.596.774.774	-	13.968.308.859	-
Phải trả người lao động	25.925.015.494	-	13.878.619.332	-	4.432.126.697	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.746.957.261	-	398.267.237	-	1.343.552.867	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6.752.373.970	-	6.602.100.000	-	4.952.100.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.458.697.295	-	2.189.575.030	-	12.519.904.903	-

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/3/2018	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	61.441.842	-	61.441.745	-	61.441.745	-
Nợ dài hạn	125.901.751.591	-	20.830.632.854	-	22.036.088.494	-
Vay và nợ dài hạn	63.929.080.449	-	3.356.554.755	-	3.356.554.755	-
Trái phiếu chuyển đổi	38.609.470.222	-	-	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	13.600.000.000	-	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Phải trả dài hạn khác	9.763.200.920	-	10.474.078.099	-	11.679.533.739	-
Tổng cộng	197.881.588.360	-	75.239.753.514	-	68.058.571.131	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,26	4,34
-	Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,26	4,34
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	20,46%	7,60%
-	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	%	25,72%	8,23%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho bình quân	vòng	64.059	32.573
-	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/TTS bình quân)	vòng	0,52	0,60
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số LN sau thuế/DT thuần	%	49,45%	58,55%
-	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	35,58%	40,92%
-	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	25,96%	35,21%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017
-	Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	55,97%	65,80%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và 2017 của SCSC

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Nhóm chỉ tiêu này thể hiện khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty khi đến hạn trả nợ. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của SCSC trong 2 năm gần đây được duy trì ở mức an toàn (lớn hơn 2) năm 2016 và 2017 lần lượt là 2,26 lần và 4,34 lần.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Nhóm chỉ tiêu này thể hiện tỷ trọng nợ của Công ty trên tổng tài sản hoặc vốn chủ sở hữu. Trong năm 2017, tỷ lệ nợ/tổng tài sản giảm mạnh so với năm 2016, 7,6% so với 20,46% và xu hướng này tương tự đối với tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu, 8,23% so với 25,72%. Nhờ tỷ lệ nợ chịu lãi vay chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng tài sản (1,02%) và chiếm 13,41% tổng dư nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2017 nên rủi ro về thanh toán cũng như về lãi suất của Công ty tương đối thấp. Sang năm 2018, công ty sẽ tiếp tục duy trì tỷ lệ nợ vay thấp nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro về thanh toán.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Tồn kho của SCSC chủ yếu là hàng hóa đã thông báo nhưng khách hàng chưa nhận và nguyên vật liệu với số lượng và giá trị không đáng kể nên vòng quay hàng tồn kho luôn duy trì ở mức cao. Hiệu quả sử dụng tài sản của công ty trong năm 2017 có sự cải thiện khi vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ mức 0,52 vòng lên 0,6 vòng chủ yếu do doanh thu tăng trưởng 18,6%, trong khi tổng tài sản chỉ tăng trưởng 2,3%.

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Nhìn chung, hiệu quả sinh lời của Công ty ở mức cao trong năm 2016 và có sự tăng trưởng tốt hơn trong năm 2017, cụ thể, biên lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 58,55% so với mức 49,45% của năm 2016.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	CMND	Năm sinh
1	Bùi Thị Thu Hương	Chủ tịch HĐQT	022774412	1970
2	Phan Lê Hoan	Phó Chủ tịch	022649821	1958
3	Lương Hoài Nam	Phó Chủ tịch	040063000091	1963
4	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	079064004505	1964
5	Phạm Bích Vượng	Thành viên	024890968	1962
6	Đoàn Ngọc Cương	Thành viên	024047009	1966

7	Lê Xuân Lộc	Thành viên	038060000638	1960
8	Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	023302631	1978

a) Chủ tịch HĐQT - Bà Bùi Thị Thu Hương

- Họ và tên : Bùi Thị Thu Hương
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 24/09/1970
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quê quán : Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 022774412
- Cấp ngày : 09/06/2012
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 14/17 Ngô Tất Tố, P. 9, Bình Thạnh, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 028. 38236236
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ 1994 đến 2011	Nhân viên – Trưởng phòng TCKT Công ty liên doanh Gemartrans
Từ 2007-2010	Thành viên BKS ngân hàng MSB, thành viên BKS Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng
Từ 2011 đến nay	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tài chính Công ty CP Gemadept
Từ 7/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty CP Gemadept;
 - + Trưởng phòng Tài chính Công ty CP Gemadept.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 9.272.820 cổ phần, chiếm 16,22% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu cho CTCP Gemadept: 9.220.820 cổ phần, chiếm 16,13% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 52.000 cổ phần, chiếm 0,091% vốn điều lệ

- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu SCS:

STT	Tên cá nhân/tổ chức nắm giữ	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Gemadept	Đại diện vốn	18.441.640	32,25%

- Khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có

b) Phó Chủ tịch HĐQT - Ông Phan Lê Hoan

- Họ và tên : Phan Lê Hoan
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 29/09/1958
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quê quán : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 022649821
- Cấp ngày : 04/01/2010
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 25/35/3 Cửu Long, P.2, Tân Bình, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 08. 3848 5383
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
10/1993-7/1999	PGĐ Trung tâm Khai thác Cảng – Cụm Cảng HK Sân bay miền Nam
7/1999-4/2011	PGĐ Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Cụm Cảng HK Sân bay miền Nam
4/2001-4/2003	PGĐ Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất kiêm Đội trưởng đội thu phục vụ hành khách

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
4/2003- 5/2008	GD Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Cụm Cảng HK miền Nam
5/2008- 8/2010	GD Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Tổng Công ty Cảng HK miền Nam
8/2010- 2/2012	Thành viên HĐQT kiêm GD Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Tổng Công ty Cảng HK miền Nam
2/2012- nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam. Giám đốc Cảng HK Quốc tế Cam Ranh
07/2013 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam. Giám đốc Cảng HK Quốc tế Cam Ranh.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 7.545.230 cổ phần, chiếm 13,199% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam: 7.500.000 cổ phần, chiếm 13,12% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 45.230 cổ phần, chiếm 0,079% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức nắm giữ	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Cảng HK Việt Nam	Đại diện vốn/ TV HĐQT	7.500.000	13,12%

- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c) Phó Chủ tịch HĐQT - Ông Lương Hoài Nam

- Họ và tên : Lương Hoài Nam
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1963

- Nơi sinh : Nghệ An
- Quê quán : Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 040063000091
- Cấp ngày : 26/11/2015
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC
- Địa chỉ thường trú : Nhà 16, ngõ 46A Phạm Ngọc Thạch, P. Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội
- Số ĐT liên lạc : 08. 62938125
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1990-1992	Chuyên viên thương mại thị trường – Vietnam Airlines
1992-1993	Phó trưởng phòng Thị trường – Vietnam Airlines
1993-2004	Trưởng ban Kế hoạch thị trường – Vietnam Airlines
1992-1997	Giám đốc phát triển đội máy bay (kiêm nhiệm) – Vietnam Airlines
1993-1997	Phó tổng biên tập Tạp chí Hertiage (kiêm nhiệm) – Vietnam Airlines
1997-2004	Tổng biên tập Tạp chí Hertiage (kiêm nhiệm) – Vietnam Airlines
2004-12/2009	Tổng giám đốc Pacific Airlines/ Jetstar Pacific Airlines
2005-12/2009	Phó Chủ tịch Hiệp hội du lịch Việt Nam
7/2011-6/2012	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Nam Long (BDS)
7/2012-10/2012	Giám đốc Điều hành Công ty cổ phần Hàng không Air Mekong
8/2013-11/2015	Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hàng không Hải Âu
12/2015- hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hàng không lưỡng dụng Ngôi Sao Việt (Vietstar Airlines)
7/2013 – hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hàng không lưỡng dụng Ngôi Sao Việt (Vietstar Airlines).
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 44.000 cổ phần, chiếm 0,077% vốn điều lệ.

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 44.000 cổ phần, chiếm 0,077% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

d) Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Quốc Khánh

- Họ và tên : Nguyễn Quốc Khánh
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/06/1964
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quê quán : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 079064004505
- Cấp ngày : 12/05/2017
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC
- Địa chỉ thường trú : 181/37/11 Phan Đăng Lưu, Phú Nhuận, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : (84-28) 3997 6930
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1989-1993	Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty LD Gemadept
1993-1997	Phó phòng Đại lý Container Công ty CP Gemadept
1997-2003	Trưởng phòng Đại lý Container Công ty CP Gemadept
2003-2008	Giám đốc Điều hành Công ty LD MBN-GMD Việt Nam
2008 - 2013	Thành viên HĐQT Công ty CP Gemadept

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2008 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn.

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 9.916.820 cổ phần, chiếm 17,35% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu CTCP Gemadept: 9.220.820 cổ phần, chiếm 16,13% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 696.000 cổ phần, chiếm 1,217% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức nắm giữ	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Gemadept	Đại diện vốn/ TV HĐQT	18.441.640	32,25%

- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương và thưởng theo hợp đồng lao động (vị trí Tổng Giám đốc) và thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

e) Thành viên HĐQT - Ông Phạm Bích Vượng:

- Họ và tên : Phạm Bích Vượng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/11/1962
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quê quán : Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 024890968
- Cấp ngày : 1/3/2008
- Nơi cấp : TP Hồ Chí Minh

- Địa chỉ thường trú : A75/6a/21 Bạch Đằng, P2, Tân Bình, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 0903709222
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy bay – động cơ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
3/1979 – 8/1979	Chiến sĩ c12, d3, e282, Quân chủng Không quân
9/1979 – 7/1982	Học viên Trường Sĩ quan chỉ huy Kỹ thuật Không quân
8/1982 – 6/1985	Trung đội trưởng Phi đội 1, e916, Quân chủng Không quân
7/1985 – 6/1990	Học viên Học viên Không quân Giu-kốp-xki, Liên Xô (cũ)
7/1990 – 04/1995	Phó quản đốc Nhà máy A41
05/1995 – 10/2003	Quản đốc Nhà máy A41
11/2003 – 05/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy A41
06/2009 – 04/2013	Phó Giám đốc Nhà máy A41
05/2013 – Nay	Giám đốc Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41.
4/2016 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 7.276.500 cổ phần, chiếm 12,73% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu Công ty TNHH MTV Sửa chữa Máy bay 41: 7.202.500 cổ phần, chiếm 12,60% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 74.000 cổ phần, chiếm 0,129% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức nắm giữ	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Sửa chữa	Đại diện vốn/	7.202.500	12,60%

	máy bay 41	Giám đốc		
--	------------	----------	--	--

- Khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

f) Thành viên HĐQT - Ông Đoàn Ngọc Cương:

- Họ và tên : Đoàn Ngọc Cương
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/07/1966
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quê quán : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 024047009
- Cấp ngày : 04/01/2010
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : P.306 lô B, C/cư Đặng Văn Ngữ, P.10, Phú Nhuận, TP. HCM
- Số ĐT liên lạc : 08. 3997 6930
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1998-2004	Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Trang My
2004 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Trang My.
2016 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Trang My.
2008 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Trang My.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 68.000 cổ phần, chiếm 0,741% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- + Cá nhân sở hữu: 423.600 cổ phần, chiếm 0,741% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

g) Thành viên HĐQT - Ông Lê Xuân Lộc:

- Họ và tên : Lê Xuân Lộc
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/10/1960
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quê quán : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 038060000638
- Cấp ngày : 25/05/2016
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC
- Địa chỉ thường trú : 27B/10 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc : (84-28) 3997 6930
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, Cử nhân luật, Lý luận chính trị cao cấp
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1983-1990	Kế toán Trưởng - Trung Tâm Tính Toán - Tổng Cục Hàng Không Việt Nam
1990-1993	Kế Toán Tổng Hợp - Sân Bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất - Tổng Công Ty Hàng Không Việt Nam
1993-2007	Phó phòng Tài Chính Kế Toán- Cục Cảnh Hàng Không Miền Nam
2008-nay	Kế Toán Trưởng - Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
06/2012-nay	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán Trưởng Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán Trưởng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 86.000 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ (Ông Lê Xuân Lộc là người được ACV đề cử làm thành viên HĐQT của SCSC, nhưng không đại diện sở hữu cổ phiếu SCSC của ACV).
 - + Cá nhân sở hữu: 86.000 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương và thưởng theo hợp đồng lao động (vị trí Kế toán Trưởng) và thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

h) Thành viên HĐQT - Bà Nguyễn Thị Ngọc:

- Họ và tên : Nguyễn Thị Ngọc
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 21/12/1978
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quê quán : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 023302631
- Cấp ngày : 12/06/2010
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 537 Nguyễn Trãi, phường 7, quận 5, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 028.38636241

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2000 -2005	Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C
2005-2010	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (ACI)
2010-Nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (ACI)
2010 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 44.000 cổ phần, chiếm 0,077% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 44.000 cổ phần, chiếm 0,077% vốn điều lệ
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: thù lao HĐQT
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

12.2. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	CMND	Năm sinh
1	Nguyễn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	079064004505	1964
2	Tô Hiến Phụng	Phó Tổng Giám đốc	022202761	1967
3	Nguyễn Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	020173320	1956

a) **Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Quốc Khánh:**

Xem mục 12.1 (d) Thành viên Hội đồng quản trị

b) **Phó Tổng Giám đốc - Ông Tô Hiến Phụng:**

- Họ và tên : Tô Hiến Phụng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/01/1967
- Nơi sinh : Sài Gòn
- Quê quán : Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 022202761
- Cấp ngày : 14/10/2003
- Nơi cấp : CA Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú : L3-07.01 Vinhomes Central Park, 208 Nguyễn Hữu Cảnh, Ph.22, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Số ĐT liên lạc : (84-28) 3997 6930
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1990-1992	Nhân viên kế hoạch kinh doanh Cty Bạch Đằng, Q.1
1992-1997	Phó phòng Phòng kế hoạch - Ban QLDA Nhà máy lọc dầu, Petrovietnam
1997-2007	Phó Giám đốc Công ty CP Vinh Nam, KCN Tân Bình, Q. Tân Bình, Tp. HCM
2007-nay	Giám đốc Công ty CP Nam Liên, KCN Sóng Thần 1, H. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
2009-nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Nam Liên.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 84.000 cổ phần, chiếm 0,147% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 84.000 cổ phần, chiếm 0,147% vốn điều lệ.
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết

của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

STT	Tên cá nhân/tổ chức nắm giữ	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Thị Yến Ngọc	Vợ	90.712	0,159%

- Khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương và thưởng theo hợp đồng lao động
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

c) **Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Thái Sơn:**

- Họ và tên : Nguyễn Thái Sơn
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/08/1956
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quê quán : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND/Hộ chiếu : 020173320
- Cấp ngày : 03/01/2007
- Nơi cấp : TP HCM
- Địa chỉ thường trú : 158/1 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Số ĐT liên lạc : (84-28) 3997 6930
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Hàng hóa Quốc tế vận chuyển bằng đường Hàng Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1991-1996	Nhân viên hàng hóa tại hãng hàng không Đức Lufthansa
1996-2010	Phó Giám Đốc phụ trách bộ phận Hàng hóa - Công ty Lufthansa Cargo AG
04/2010 - nay	Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khai thác tại công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 33.000 cổ phần, chiếm 0,058% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 33.000 cổ phần, chiếm 0,058% vốn điều lệ
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Lương và thưởng theo hợp đồng lao động
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

12.3. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	CMND	Năm sinh
1	Bùi Á Đông	Trưởng BKS	035062000663	1962
2	Khoa Năng Luru	Thành viên	023654385	1968
3	Trần Thị Huyền Trân	Thành viên	082174000295	1974

a) Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Bùi Á Đông:

- Họ và tên : Bùi Á Đông
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 28/6/1962
- Nơi sinh : Hà Nam
- Quê quán : Hà Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 035062000663
- Cấp ngày : 12/09/2016
- Nơi cấp : Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về DC
- Địa chỉ thường trú : 60/40 Yên Thế, P. 2, Q. Tân Bình, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 84-28. 3848 5383
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1986-6/1990	Kế toán – Công ty Vật tư tổng hợp Tỉnh Nghĩa Bình
6/1990-8/1992	Kế toán Tổng hợp - Tổng Công ty xây dựng Công trình 6
8/1992-12/1993	Kế toán – Công ty Liên doanh sửa chữa tàu biển Sovship Laten
4/1994-1/2018	Phó ban Tài chính Kế toán – Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam
01/2/2018 - nay	Trưởng ban Tài chính Kế toán – Kế toán Trưởng Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
2010 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng ban Tài chính Kế toán – Kế toán Trưởng Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 36.230 cổ phần, chiếm 0,0634% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 36.230 cổ phần, chiếm 0,0634% vốn điều lệ
- Cam kết nắm giữ:
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Ban kiểm soát
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b) Thành viên Ban kiểm soát – Ông Khoa Năng Lưu

- Họ và tên : Khoa Năng Lưu
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 08/01/1968
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quê quán : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Số CMND : 023654385
- Cấp ngày : 23/04/2013
- Nơi cấp : CA TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 46/21 Cách Mạng Tháng 8, P.6, Q.3, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 84-28.38 236 236
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Hàng hải
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1990 - 1993	Kế toán viên Công ty Trục vớt phá đá ngầm Hải Phòng
1993 - 2007	Nhân viên phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Gemadept
2007 - nay	Phó phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Gemadept
2010 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Gemadept.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 15.000 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ.
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

c) Thành viên Ban kiểm soát – Bà Trần Thị Huyền Trân:

- Họ và tên : Trần Thị Huyền Trân
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
- Nơi sinh : Tiền Giang

- Quê quán : Bến Tre
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 082174000295
- Cấp ngày : 05/04/2018
- Nơi cấp : Bến Tre
- Địa chỉ thường trú : 236/32 An Dương Vương, P.16, Q.8, TP HCM
- Số ĐT liên lạc : 0908670450
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1997-2004	Nhân viên kinh doanh Công ty Làng Biệt Thự Sài Gòn
2004-2008	Nhân viên Công ty Cp Legamex
2008-Nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (ACI)
07/2013 – nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn

- Chức vụ hiện nay tại SCSC: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 11/06/2018: 20.000 cổ phần, chiếm 0,035% vốn điều lệ. Trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 20.000 cổ phần, chiếm 0,035% vốn điều lệ.
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):
 - + Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
 - + Không chuyển nhượng cổ phiếu trong quá trình HOSE thẩm định hồ sơ niêm yết của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không có
- Khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: thù lao Ban kiểm soát
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có.

12.4. Kế toán trưởng – Ông Lê Xuân Lộc:

Lý lịch trình bày tại phần 12.1 g của Hội đồng quản trị.

13. Tài sản

13.1. Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	840.610.110.756	270.567.417.273	570.042.693.483
1	Nhà cửa vật kiến trúc	457.335.550.823	90.320.096.300	367.015.454.523
2	Máy móc thiết bị	119.961.419.704	56.196.684.895	63.764.734.809
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	234.059.165.560	104.438.833.529	129.620.332.031
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	28.758.962.397	19.116.790.277	9.642.172.120
5	Tài sản cố định khác	495.012.272	495.012.272	-
II	Tài sản cố định vô hình	20.925.962.285	12.547.365.704	8.378.596.581
	Phần mềm máy tính	20.925.962.285	12.547.365.704	8.378.596.581
III	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
	Tổng cộng	861.536.073.041	283.114.782.977	578.421.290.064

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của SCSC

13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Toàn bộ các hoạt động của Công ty đang được thực hiện trên khu đất có diện tích đất là 14,3 ha, tại số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Đây cũng chính là phần góp vốn của Công ty Sửa chữa máy bay A41 vào Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng Hóa Sài Gòn tương đương giá trị 71,9 tỷ đồng và thời hạn khai thác là 49 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (ngày 20/4/2009).

Stt	Tên khu đất	Mô tả khu đất	Văn bản pháp lý	Diện tích (m2)	Tình trạng sử dụng
1	Sân đậu máy bay	Sàn bê tông	Giấy chứng nhận đầu tư số	52.421	Đang hoạt động
2	Nhà ga hàng hóa	Sàn bê tông cốt thép, tường bê tông, gạch, kết cấu thép	41121000112 cấp ngày 20/4/2009 của UB ND Tp. Hồ Chí Minh	26.670	Đang hoạt động
3	Tòa nhà văn phòng	Sàn bê tông cốt thép, tường bê	Quyết định số	1.600	Đang hoạt động

Stt	Tên khu đất	Mô tả khu đất	Văn bản pháp lý	Diện tích (m2)	Tình trạng sử dụng
		tông, gạch, khung kèo kết cấu thép	755/QĐ-BTL ngày 28/4/2009 của Bộ tư lệnh Quân chủng PK-KQ.		
4	Nhà kỹ thuật	Sàn bê tông cốt thép, tường, gạch,		952	Đang hoạt động
5	Nhà nghỉ công nhân	Sàn bê tông cốt thép, tường, gạch,		440	Đang hoạt động
6	Bãi xe, sân đường, cây xanh	Đường nhựa, cây xanh		60.917	Đang hoạt động

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 và 2019

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018 KH		Năm 2019 KH	
			Giá trị	+/- so với 2017	Giá trị	+/- so với 2018
Tổng sản lượng	Tấn	186.140	210.000	12,82%	239.000	13,81%
- Hàng hóa quốc tế	Tấn	143.915	163.200	13,40%	186.000	13,97%
- Hàng hóa quốc nội	Tấn	42.225	46.800	10,83%	53.000	13,25%
DT văn phòng cho thuê	m2	6.278	6.300	0,35%	6.300	0,00%
Tổng doanh thu (*)	Triệu đồng	594.224	694.000	16,79%	797.000	14,84%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	588.317	666.000	13,20%	758.000	13,81%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	384.439	466.000	21,22%	559.200	20,00%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	344.461	413.804	20,13%	496.730	20,04%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	914.392	1.156.669	26,50%	1.481.872	28,12%
Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	58,55%	62,13%	3,58%	65,53%	3,40%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	37,67%	35,78%	-1,90%	33,52%	-2,26%
Cổ tức	Đồng/cp	6.000	4.500	-25%	3.000	-33%

(*) Bao gồm doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính và doanh thu khác.

Nguồn: SCSC

✚ Căn cứ đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 và 2019

- Tăng trưởng hàng hóa thông qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất được dự báo tiếp tục tăng trung bình hơn 12% giai đoạn 2018, 2019.
- Công ty duy trì chính sách quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí.
- Mở rộng các dịch vụ gia tăng giá trị.

✚ Biện pháp tổ chức thực hiện:

Để đạt những mục tiêu đề ra, công ty phải thực những biện pháp sau:

- Khai thác hết tiềm năng nhân viên, có kế hoạch sử dụng hiệu quả lao động. Tổ chức kiểm tra định kỳ tay nghề, tiếng Anh, kết hợp đánh giá nâng bậc nhằm nâng lương cho người lao động.
- Mua mới và nâng cấp hệ thống kệ hàng nhập và trang bị xe chuyên dụng phù hợp hệ kệ mới.
- Trang bị thêm 2 tầng sàn con lăn chứa hàng trên hệ thống chứa hàng bán tự động ETV.
- Triển khai quy trình khai thác phù hợp chương trình hải quan 1 cửa, kiểm soát, phục vụ hàng hóa từ vận đơn nhà HWB.
- Duy trì ổn định hệ thống 5S, Kaizen để bảo đảm chất lượng phục vụ khách hàng và tăng năng suất lao động.
- Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để ngày càng ổn định chất lượng dịch vụ. Tái đánh giá Chứng chỉ an toàn khai thác mặt đất của IATA (ISAGO) và Chứng chỉ bảo vệ tài sản khách hàng (TAPA).
- Hoàn thành đề án vi tính hóa hệ thống quản trị công ty.

✚ Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua

Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương xây dựng Tòa nhà văn phòng SCSC-2 và Trung tâm sản xuất, phân phối suất ăn hàng không trên khu đất trống tại SCSC vào tháng 10/2016.

Cụ thể:

Dự án Tòa nhà văn phòng SCSC-2

+Vị trí: Trong khuôn viên SCSC cạnh tòa nhà văn phòng hiện hữu.

+Tổng diện tích sàn: khoảng 18.900m²

+Số tầng: 12 tầng

+Thời gian xây dựng: 12 tháng

+Vốn đầu tư dự kiến: 180 tỷ đồng.

+Nguồn vốn: vốn chủ sở hữu 50% và vay ngân hàng 50%.

+Thời gian hoàn vốn: 7 năm

Dự án Trung tâm sản xuất, phân phối suất ăn hàng không

+Vị trí: Trong khuôn viên SCSC.

+Tổng công suất: tối đa 5.000 suất ăn/ngày, giai đoạn 1 đáp ứng 3.000 suất/ngày

+ Diện tích đất 4.200m², bao gồm 1.000 m² để mở rộng trong giai đoạn 2.

+Thời gian xây dựng: 8 tháng

+Vốn đầu tư dự kiến: 100 tỷ đồng.

+Nguồn vốn: vốn chủ sở hữu 65% và vay ngân hàng 35%.

+Thời gian hoàn vốn: 7 năm

Công ty đã báo cáo 2 dự án này cho đối tác là Quân chủng PKKQ. Quân chủng PKKQ đã trình dự án cho Bộ Quốc phòng để phê duyệt. Đây là thủ tục cần thiết để làm cơ sở pháp lý triển khai đầu tư tài sản trên khu đất hợp tác. Sau khi được phê duyệt SCSC sẽ triển khai trong thời gian sớm nhất.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Hội đồng quản trị đã thông qua chủ trương phát hành thêm cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Cụ thể:

Mục đích phát hành:

Nhằm mục đích tăng cường sự gắn bó và khuyến khích những Cán bộ chủ chốt đóng góp nhiều hơn cho sự thành công và phát triển của Công ty.

Phương án chào bán cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ CP.
- Số lượng cổ phiếu phát hành: phát hành thêm 2% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tương đương với khoảng 1.140.000 cổ phiếu, và sẽ được chia đều trong vòng 03 năm, tương đương mỗi năm sẽ đăng ký phát hành thêm 380.000 cổ phiếu.
- Giá phát hành mỗi đợt: tối thiểu bằng 30% giá đóng cửa bình quân trên thị trường của 10 ngày làm việc trước ngày Hội đồng quản trị thông qua việc triển khai thực hiện đợt chào bán. Giá cụ thể do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành tính theo mệnh giá: 11.400.000.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cán bộ chủ chốt tùy theo vị trí công tác, mức độ đóng góp đối với sự phát triển của Công ty SCSC. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện theo đúng quy định. Số cổ phiếu mua không hết sẽ được chào bán lại cho các Cán bộ chủ chốt khác có tên trong danh sách được mua cổ phiếu theo quyết định của HĐQT.
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với mỗi đợt chào bán là 02 năm kể từ ngày phát hành, cụ thể:
 - Năm 1 : Hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phiếu đã mua.
 - Năm 2: Hạn chế chuyển nhượng 50% số cổ phiếu đã mua.
- Thời gian phát hành: Chương trình kéo dài trong 03 năm, dự kiến chia làm 03 đợt chào bán từ năm 2019 đến 2021. Mỗi đợt chào bán sẽ được hoàn thành trong thời gian 45

ngày, kể từ ngày được UBCK Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho Cán bộ chủ chốt theo quy định.

- Kế hoạch sử dụng tiền từ đợt phát hành: Vốn thu được từ đợt phát hành cho Cán bộ chủ chốt của Công ty sẽ được bổ sung vào nguồn vốn lưu động của Công ty ngay sau khi hoàn tất việc báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Điều kiện để được phát hành của mỗi đợt:
 - Đợt 01: Lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng trưởng tối thiểu 15% so với năm 2017.
 - Đợt 02: Lợi nhuận trước thuế năm 2019 tăng trưởng tối thiểu 15% so với năm 2018.
 - Đợt 03 Lợi nhuận trước thuế năm 2020 tăng trưởng tối thiểu 15% so với năm 2019.

Ghi chú: Năm nào không đạt điều kiện nêu trên sẽ không được phát hành, số cổ phiếu không được phát hành sẽ được hủy bỏ và không được cộng gộp vào các đợt phát hành tiếp theo.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh, xu hướng phát triển trong tương lai của Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn cũng như khả năng tăng trưởng của ngành.

Với nền tảng hiện tại của Công ty và tiềm năng phát triển của ngành, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đưa ra trong năm 2018 là kế hoạch thận trọng dựa trên các định hướng phát triển của Công ty trong trung và dài hạn cũng như chiến lược kinh doanh trong năm nay. Vì vậy, chúng tôi nhận định SCSC có khả năng hoàn thành chỉ tiêu doanh thu lợi nhuận nêu trên.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết:

Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu niêm yết:

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cp**

3. Tổng số cổ phiếu niêm yết : **49.985.700 cổ phiếu**

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và tổ chức có đại diện phần vốn là thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng (KTT) với cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng do cam kết trên là 34.797.200 cổ phần (chiếm 60,86% tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành), trong đó: 27.607.200 cổ phiếu phổ thông và 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức (không niêm yết).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	06 tháng tiếp theo
Hội đồng Quản trị				
	Hội đồng quản trị		1.464.830	732.415
Ban Tổng Giám đốc				
	Ban Tổng giám đốc		117.000	58.500
Ban Kiểm soát				
	Ban kiểm soát		71.230	35.615
Kế toán trưởng				
	Kế toán trưởng		Đã bao gồm trong mục HĐQT	
Cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và Kế toán trưởng				
1	TCT Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	Phan Lê Hoan – Phó Chủ tịch HĐQT	7.500.000	3.750.000
2	Công ty CP Gemadept	1. Bùi Thị Thu Hương – Chủ tịch HĐQT 2. Nguyễn Quốc Khánh – Thành viên HĐQT	18.441.640	9.220.820

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng	
			06 tháng kể từ ngày niêm yết	06 tháng tiếp theo
3	Cty TNHH MTV Sửa Chữa máy bay 41	Phạm Bích Vượng – Thành viên HĐQT	7.202.500 (*)	3.601.250
Tổ chức có đại diện phần vốn là thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS và Kế toán trưởng				
1	TCT Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	Phan Lê Hoan – Phó Chủ tịch HĐQT	7.500.000	3.750.000
2	Công ty CP Gemadept	1. Bùi Thị Thu Hương – Chủ tịch HĐQT 2. Nguyễn Quốc Khánh – Thành viên HĐQT	18.441.640	9.220.820
3	Cty TNHH MTV Sửa Chữa máy bay 41	Phạm Bích Vượng – Thành viên HĐQT	7.202.500 (*)	3.601.250
	Tổng cộng (**)		34.797.200	17.398.600

(*) Bao gồm 7.190.000 cổ phiếu ưu đãi cổ tức (không niêm yết) và 12.500 cổ phiếu phổ thông.

(**) 33.144.140 cổ phần SCS do ACV, GMD và A41 sở hữu thể hiện ở mục Cổ đông lớn và Tổ chức có đại diện phần vốn nên dòng tổng cộng chỉ tính 1 lần.

Ngoài việc cam kết nắm giữ cổ phiếu nêu trên, một số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Thời gian hạn chế chuyển nhượng theo chương trình này đến 10/11/2019 với tổng số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng là 407.000 cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá:

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn là giá được tính toán dựa trên: (1) Phương pháp Giá trị sổ sách, (2) Phương pháp so sánh P/E với doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết, (3) Phương pháp so sánh P/B với doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết và (4) Phương pháp bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu SCS trong 20 phiên giao dịch gần nhất tại sàn Upcom:

5.1. Phương pháp Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của SCSC được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Tài sản vô hình} + \text{Nợ})}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu SCS tại các thời điểm 31/12/2017 và 31/3/2018

Khoản mục	ĐVT	31/12/2017	31/3/2018
Tổng tài sản	Đồng	989.631.337.988	923.606.330.160
Tài sản vô hình	Đồng	8.378.596.581	7.633.847.008
Nợ	Đồng	75.239.753.514	68.058.571.131
Tổng tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ)	Đồng	906.012.987.893	847.913.912.021
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	49.985.700	49.985.700
Giá trị sổ sách SCS	Đồng/cp	18.125	16.963

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

5.2. Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này được tính toán dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và lợi nhuận ròng trên mỗi cổ phần của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với SCS đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Công thức định giá:

$$P = EPS * P/E_{bq}$$

trong đó:

- ✓ P: Giá cổ phiếu
- ✓ EPS: lợi nhuận thu được trên mỗi cổ phần
- ✓ P/E_{bq}: Hệ số giá / EPS

Công ty dùng để so sánh với SCS được trình bày trong bảng sau đây:

Công ty	Mã cổ phiếu	EPS 31/12/2017	Thị giá ngày 18/06/2018	Chỉ số P/E
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCT	9.683	93.000	9,60

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của NCT

Theo đó giá cổ phiếu SCS được tính toán theo phương pháp P/E như sau:

Giá trị hợp lý sử dụng phương pháp P/E	Đơn vị tính	Giá trị
Hệ số P/E	Lần	9,60
EPS của SCS tại 31/12/2017	VND/Cổ phần	6.492
Giá cổ phần	VND	62.352

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của SCSC

5.3. Phương pháp so sánh P/B

Phương pháp này được tính toán dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh khá tương đồng với SCS đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Công thức định giá:

$$P = GTSS * P/B_{bq}$$

trong đó:

- ✓ P: Giá cổ phiếu
- ✓ GTSS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần
- ✓ P/B_{bq}: Hệ số giá / GTSS

Các công ty dùng để so sánh với SCS được trình bày trong bảng sau đây:

Công ty	Mã cổ phiếu	GTSS 31/03/2018	Thị giá ngày 18/06/2018	Chỉ số P/B
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	NCT	19.151	93.000	4,86

Nguồn: BCTC tự lập 31/3/2018 của NCT

Theo đó giá cổ phiếu SCS được tính toán theo phương pháp P/B như sau:

Giá trị hợp lý sử dụng phương pháp P/B	Đơn vị tính	Giá trị
Hệ số P/B	Lần	4,86
Giá trị sổ sách của SCS tại 31/3/2018	VND/Cổ phần	16.963
Giá cổ phần	VND	82.376

Nguồn: BCTC tự lập 31/3/2018 của SCSC

5.4. Phương pháp bình quân giá đóng cửa

Giá đóng cửa bình quân của cổ phiếu SCS trong 20 phiên giao dịch gần nhất tại sàn Upcom tính đến ngày 18/06/2018 là 164.100 đồng/cổ phiếu. Chi tiết:

Stt	Ngày	Giá đóng cửa	Stt	Ngày	Giá đóng cửa
1	22/05/2018	167.000	11	05/06/2018	162.000
2	23/05/2018	165.300	12	06/06/2018	169.900
3	24/05/2018	165.400	13	07/06/2018	173.000
4	25/05/2018	162.000	14	08/06/2018	170.000
5	28/05/2018	151.300	15	11/06/2018	172.100
6	29/05/2018	151.000	16	12/06/2018	171.000

Stt	Ngày	Giá đóng cửa	Stt	Ngày	Giá đóng cửa
7	30/05/2018	151.000	17	13/06/2018	171.000
8	31/05/2018	150.000	18	14/06/2018	173.000
9	01/06/2018	150.100	19	15/06/2018	172.000
10	04/06/2018	161.900	20	18/06/2018	173.000
Bình quân					164.100

5.5. Bảng tổng hợp giá tham khảo từng phương pháp

Phương pháp định giá	Giá trị cổ phiếu (đồng/cp)
1. Phương pháp giá trị sổ sách	16.963
2. Phương pháp so sánh P/E	62.352
3. Phương pháp so sánh P/B	82.376
4. Phương pháp bình quân giá đóng cửa	164.100

Công ty thực hiện xác định giá cổ phiếu SCS theo các phương pháp trên để nhà đầu tư có thể tham khảo. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm hiện tại và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn sẽ lấy bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu SCS trong 20 phiên giao dịch cuối cùng tại Sàn giao dịch Upcom để làm giá tham khảo tại ngày niêm yết đầu tiên tại HOSE theo Nghị quyết HĐQT số SCSC18/HĐQT/NQ/09 ngày 19/06/2018.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều 2 của Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán:

“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

a) Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;

b) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%;

c) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các

ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;”

Theo đó, công ty xác nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Hiện tại, Điều lệ công ty không quy định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài. Công ty cam kết tuân thủ quy định pháp luật có liên quan đến tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.

Số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại ngày 11/06/2018 là 9.586.746 cổ phần SCS, tương ứng với tỷ lệ 16,77% tổng số lượng cổ phần đã phát hành.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, ngành nghề kinh doanh của Công ty nằm trong doanh mục A. Thuế suất thuế TNDN của Công ty trong 3 năm gần đây lần lượt là 22% (2015) và 20% (2016 và 2017).

Căn cứ theo công văn 5812/CT-TTHT ngày 06/07/2015 của Tổng Cục Thuế trả lời về ưu đãi thuế TNDN, Công ty đang áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp của dịch vụ liên quan đến nhà Ga Hàng hóa trong 9 năm từ năm 2015 đến năm 2023.

7.2. Thuế giá trị gia tăng và thuế khác

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho Công ty là:

- **Không chịu thuế:** dịch vụ đào tạo.
- **Thuế suất 0%:** phí Handling phục vụ cho hãng hàng không nước ngoài.
- **Thuế suất 10%:** dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, cho thuê văn phòng, cho thuê sân đậu máy bay, bãi đậu xe, sân bóng .. và các dịch vụ liên quan.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Địa chỉ: 45 Bạch Đằng, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3547 1242

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3547 2972 Fax: (84-28) 3547 2971

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39288080 Fax: (84-24) 39289888

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 39146888 Fax: (84-28) 3914 7999

Website: www.bvsc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất.
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty.
3. Phụ lục III: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, 2017 và Báo cáo tài chính tự lập 31/3/2018

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2018

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI THỊ THU HƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC KHÁNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



BÙI Á ĐÔNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ XUÂN LỘC

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**



VÕ HỮU TUẤN